Năm thứ nhất. — Số 20 Thứ sáu, 24 Octobre 1941

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Sách tàu nói đến Angkor trước tiên — *Nguyễn-Văn-Tố*
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (II) — *Ứng-Hoè*
Những đạo quan binh Bắc-kỳ — *Tân-Lang*
Lược khảo về nước Nam-chiếu — *Biệt-Lam Trần Huy-Bá*
Cần phải đính ngoa việt-ngữ — *Vũ-Nhật*
Miền duyên-hải Somalis của Pháp — *Nhật-Nham*
Bàn riêng về một điểm thuộc vấn-đề thanh — *Trần Cảnh-Hảo*
Một trang nghĩa-sĩ — *Tiên-Đàm*
Trần Can (II) — *Phan Khắc-Khoan*
Quốc-ngữ, chữ nước ta — *Thùy-Thiên*
Ông Nghè 13 tuổi... — *Nhật-Nham*
Từ bước tiến-tới của báo-giới nam-việt đến vết biến-thiến của quốc-văn — *Hoa-Bằng*
Tùy hứng, Ai-tư-vãn, Đăng Lam-thành sơn hoài-cổ phú, vân vân

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5$50 – 6 tháng 2$80 – 3 tháng 1$50
Các công sở : giá gấp đôi — **Mỗi số 15 xu**
TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Từ bước tiến-tới của báo-giới việt-nam đến những vết biến-thiên của quốc-văn trên trang báo, chí

HOA - BẰNG

SAU cuộc Nga, Nhật chiến tranh (1904-1905), ở xứ ta, khoảng năm 1907-1908, nổi dậy cái phong trào ruồng khoa cử, chuộng quốc-văn. Báo chí quốc văn lần-lượt « khai sinh » vào « sổ » ngôn-luận từ đó.

Trước đây độ 34 năm, làng báo việt-nam hãy còn như « con nhà hiếm ». Toàn xứ lác đác mới có vài tờ báo do chính-phủ lập ra, chỉ có tính cách là những tờ công báo. làm cơ quan rao truyền công việc cai-trị của nhà nước.

Trong Nam, có tờ *Gia-định báo* (lối năm 1865) của nhà bác học Trương-vĩnh-Ký, là một tên lính tiên-phong trong đội quân báo chí xứ này. Sau đến những tờ *Nông-cổ mín đàm* và *Lục tỉnh tân văn* cũng đều là những tay kỳ-cựu cả.

Ở Bắc-kỳ, hồi đó, trừ mấy tờ báo viết bằng chữ pháp do người tây chủ trương như Courrier d'Haiphong và Avenir du Tonkin, về phần người nam, mới chỉ có một tờ *Đăng cổ tùng báo* viết bằng chữ hán và tờ *Đại-nam đồng văn nhật báo* có một phần viết bằng quốc văn.

Tờ *Tùng báo* do ông Nguyễn-văn-Vĩnh làm chủ bút (1908) chính là những « nhát cuốc khai-hoang » trong làng báo quốc-văn ở Bắc-kỳ.

Sau đó, những tờ *Đông dương tạp chí* và *Trung-bắc tân văn* mới dần dần lơ-thơ mọc trong địa hạt báo giới Nam-việt.

Thời gian qua. Làng báo ta nay đã ngày một « đa đinh » và có vẻ sầm-uất thịnh-vượng hơn trước.

Dựa vào báo chí, ta nhận thấy trong vòng hơn 30 năm nay, quốc-văn đã biến-thiên nhiều lắm.

Có thể chia làm từng thời-kỳ để đánh dấu những vết biến thiên ấy.

Thời-kỳ phỏng theo cú-pháp và văn-thể tàu. — Đó là thời-kỳ đầu tiên của làng báo ta. Trong những cây bút quốc-văn bấy giờ, trừ một vài nhà đặc tây-học viết văn theo lối tự-nhiên, giản-dị nhưng không kêu ra, hầu hết các nhà báo có nho-học đương-thời đều viết theo văn-thể tàu cả. Từ cú-pháp đến điệu văn, họ đều rập theo lối tàu. Đồng-thời họ lại gieo-giắc vào quốc-văn những thành-ngữ và điển-tích trong sách chữ hán : *Nhạn sa, cá lặn ; ngâm gió, cợt giăng ; bạn với Lưu-Linh ; con thuyền Xích-bích...*

Còn các tân-văn tiểu-thuyết ? Hầu hết là dịch theo tiểu-thuyết tàu mà đăng lên báo. Bấy giờ họa hoằn mới có một « sản-phẩm » như cuốn *Trần Hưng-Đạo vương truyện* của ông Phan Kế Bính. Nhưng nội dung truyện này, từ hành-văn cho đến bố - cục, lại theo đúng hệt khuôn-sáo của Tàu.

Thời-kỳ thâu-thái những danh-từ mới. — Từ năm 1907 trở đi, sau những cuộc cổ-động đổi mới, người minh chịu ảnh-hưởng của những cuốn sách do các nhà tiên-tiến trong nước viết bằng chữ hán như *Văn-minh tân học sách, Nam-quốc giai-sự, Nam-quốc vĩ-nhân truyện, Quốc-dân độc bản thượng biên* và *hạ biên* (sách trường Bác-cổ số A. 174) đã bắt đầu làm quen với các danh-từ mới : *bản khai, thực-dân, giệt chủng, kinh-tế, lập hiến chính-thể, cộng-hòa chính-thể v.v..*

Hồi Âu-chiến trước (1914-1918), tờ Nam-phong ra đời (N. P. số 1 ra ngày 1er Juillet 1917) lại tiếp-tục làm công việc truyền-bá danh-từ mới ấy. Việc làm này của Nam-phong có ảnh-hưởng rộng hơn, vì đã có tờ báo làm cơ-quan, lại lấy tiếng mẹ đẻ làm lợi-khí, nên những danh-từ về triết-học, khoa-học. văn-học được « nhập-cảng » khá nhiều.

Thời-kỳ nhặt-lượm thành-ngữ và mô-phỏng cú-pháp của văn tây. — Trên tờ *Thực-nghiệp dân-báo*, người ta đã mạnh-bạo ứng-dụng những thành-ngữ trong pháp-văn, như : *nói vịt, xây lầu bên Y-pha-nho...* Có khi lại theo lối tây mà đặt chữ *nếu*, chữ *dầu* ở đầu câu phụ đi theo sau câu chính.

Thời-kỳ cải-cách thể văn xuôi — Trước hết, tờ *Đông-Tây* của Hoàng Tích-Chu, có thể văn xuôi, nhất là lối văn viết báo thường hay chú-trọng về lối biền ngẫu đối nhau: chữ lựa cho thật trọi, vế gióng cho thật cân. Đọc lên, người ta thấy có âm-điệu kêu ròn vì khéo hòa-hiệp bằng trắc, như đọc một bài *từ-lục*.

Hồi năm 1926, Hoàng-tích-Chu từ Pháp về nước nhà, mang theo cái hoài-bão cải-cách lối văn viết báo. Trước *Ngọ-báo*, sau *Đông-tây* (vào khoảng 1932), Tích-Chu đã mạnh-bạo thực-hành lối văn xuôi mới : viết theo điệu văn tây từ ngữ-thể đến cú-pháp. Vì Tích-Chu đi cực-đoan, nên câu văn không khỏi nhấm-nhẳn gióng một và lắc-cắc. Nhưng sau cuộc cải-cách ấy, văn-giới và báo - giới không phải không chịu ảnh-hưởng. Một chứng-cớ: từ đó, lối văn đối nhau dần dần « khuất bóng » trên các mặt báo.

Thời kỳ cải-cách văn vần. — Từ năm 1933, đi kèm với những tiếng hài-hước trào-phúng, lối thơ mới, tức thể thơ tự-do, được thành lập. Lối thơ này chịu ảnh-hưởng rất nhiều của thơ pháp, nên từ cách dùng chữ, đặt câu, đến lối ngừng hơi và gieo vần, có thể nói, hoàn toàn theo tây cả. Trong phái thơ mới, trừ một số ít có chân tài đáng kể ra, phần nhiều đã lạm dụng cái danh-nghĩa « thơ tự-do » mà làm cho nó thành tản-văn-hóa

Tiếp theo trang 4

Đây là bìa ngoài của tờ báo hằng ngày «ĐẠI NAM ĐỒNG VĂN nhật báo» xuất bản tại Hanoi từ năm 1902, nghĩa là cách hơn nữa thế kỷ nay

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 2

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

III

Con cóc (1)

Từ thuở nên thân tấm áo sồi, (2)
Chốn nghiêm thăm-thẳm một mình ngồi.
Ra tay mấy phút oai hùm chẻm,
Tắc lưỡi và phen quân kiến lui (3)
Mừng có vài con ra chịu ấm,
Hãy còn nàng tố kết làm đôi.
Miếu đường công thuở vang lừng tiếng,
Giúp được muôn dân thuở nằng nói.(4)

(Theo quyển *Quốc-âm thi-ca tạp-lực*, sách nôm của Trường Bác-cổ, bản viết, số A B 296, tờ 14-b).

IV

Dạy con về nhà chồng (5)

«Vãng chi nhữ gia, tất kính tất giới, vô vi phu-tử». (6)

Dạy con thuở về nhà chồng, bà lão già nghĩ đã hết vậy.

Ôi ! con dại cái mang, là nhẽ thế vậy. Dạy con thuở về nhà chồng, giữ điều kính-cẩn, chẳng phải bà già ấy khéo dạy con ru ?

Tưởng rằng : trong phối-thất vốn tam cương đạo cả, thực là muôn hóa chi ra, nhị mẹ con trong chín tháng tình thâm, há tiếc một nhời chị dặn ?

Con về nhà chồng, mà mẹ thương lắm, con ôi !

Nghĩ rằng : dâu là dâu người, con là con mẹ sinh ra nhỉ, hoặc nhời ăn tiếng nói chi nỏ-nang, kẻ trên nom xuống, người ta trông vào, ai bảo cho con còn dại ?

Con là con mẹ, mà dâu là dâu người ta nhỉ, hoặc ngoài cửa trong nhà chi có chuyện, bác mẹ không nhìn, chị em không đoái, rồi ra trách mẹ không răn !

Đi về nhà chồng, mà phải nghĩ đó, ở nhà thì mẹ thì con, về nhà chồng là dâu nhỉ, con ôi !

Thức khuya dậy sớm, việc nhà việc cửa chi siêng - năng, bẩm dạ trình thưa, kính mẹ thờ cha chi phải phép. Có hỏi thì nói, có gọi thì thưa. Chồng có giận, cũng êm, cũng đẹp, cũng vui cười : một câu nhịn chín câu lành, áo khôn nhẽ qua đầu chi mặc, chớ học chi những đồ mách-giáp, mà dây mơ rễ má chi lôi-thôi.

Ở nhà thì mẹ thì con, về nhà chồng có chồng nhỉ, con ôi ! Nhu-mỳ yếu-đ ệu, nhời ăn tiếng nói chi dịu-dàng, nhiệm-nhặt khoan-thai, chốn đứng chốn ngồi chi phải thế. Có mồm thì cắp, có nắp thì đậy. Chồng có gọi thì vâng, thì dạ, thì lễ-phép. Canh một nằm, canh năm dậy, chiếu có đâu giỗ ngược chi nằm ! Chớ học chi những thói bần thần, mà con cả con kê chi kể lể.

Cũng có kẻ coi chồng như con ăn con ở, thậm đến điều mai mỉa chi khinh. Nghĩ rằng : xấu xa thì cũng chồng ta, dẫu mà tốt đẹp cũng ra chồng người. Lại toan điều gác kéo đầu kim, há có biết xấu chàng hổ ai chi nhẽ ? Mẹ dặn con giữ lòng kính cẩn, giầu ăn khó chịu, chớ như ai bạ ăn bạ nói, mà hoặc ngoa lát sát chi mồm, nữa chồng ta giận quá hóa dại ; cờ phất đến tay, để ai chịu bèo trôi chi tiếng ?

Cũng có kẻ giận chồng mà đánh cái đánh còn, thậm điều mày tao chi tớ, há nghĩ rằng khôn ngoan thì cũng đàn bà, dẫu rằng vụng dại cũng là đàn ông. Lại toan điều múa rìu mặt thợ, há có biết già đòn non nhẽ chi cơ ? Mẹ bảo con giữ đạo hiền hòa, đói sạch rách

---

1) Những quyển văn-tuyển bằng quốc-ngữ đều cho bài *Con cóc* là bài của vua Lê-Thánh-Tôn (1460-1497). Sách nôm của Bác-cổ không chép tên tác-giả, chỉ đề chữ ở đầu bài là *Thiềm-thừ thi*.

2) Có bản chép là : « *Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi* ».

3) Nhiều người đọc thuộc lòng câu thứ ba và câu thứ tư như thế này :

« *Nghiến răng một phút giời chuyển động* »
« *Tắc lưỡi ba hồi sấm động ran.* »

Còn sách quốc-ngữ, quyển thì chép là :

« *Nghiến răng ba tiếng cơ giời động* »
« *Tắc lưỡi vài hồi chúng kiến lui* »

Quyển thì chép là :

« *Chép miệng năm ba con kiến gió* »
« *Nghiến răng chuyển động bốn phương giời* »

4) Bốn câu dưới chưa có bản quốc ngữ nào chép cả. Chúng tôi cố chép đúng bản nôm (cố chép, nhưng chưa chắc được, vì chữ nôm mỗi người đọc một khác) song chưa phê-bình vội, đợi sau này có ai sưu tập được bản nôm nào khác, sẽ đem ra giải-thích và xem xét nội-dung., thì may mới khôi-phục được nguyên văn theo như phương-pháp nhà sử-học.

5) Ông L. Nordemann có chép bài kinh-nghĩa này trong quyển *Quảng-tập viêm-văn, Chrestomathie annamite*, trang 129, tự năm 1898. Bản của ông cũng như những bản in sau ông, so với bản trên này khác nhiều. Các nhà xuất bản đều đề tên tác-giả là Lê-quí-Đôn (đời Cảnh-hưng khoảng thế-kỷ thứ 18,) có nhà không tin, đánh dấu hỏi. Bản nôm của Bác-cổ không thấy đề tên.

6) Chữ kinh Lễ ; nghĩa là : Đi về nhà chồng, phải kính phải răn, đừng trái nhời chồng.

thơm, chớ như ai làm giận làm hờn, mà hoặc ả đăm đăm chi mặt, nữa chồng ta nói dai dài chuyện, lửa gần rát mặt, nữa ai mang vớ cọc chi cười ?

Thôi này, nhập gia tùy tục, mẹ bảo con đạo gái chi thường, xuất gia tòng phu, con phải giữ nhà chồng chi phép, nghe chưa con ?

(Theo quyển Quốc âm thi văn tập, *sách nôm của Bác cổ, bản viết, số AB. 109, tờ 25 b. 27 a.)*

Còn nữa

Ứng hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Từ bước tiến-tới của bao-giới việt-nam

Tiếp theo trang 2

với những chữ cầu-kỳ không đúng nghĩa và những ý rỗng tuếch nhưng ngớ-ngẩn, vu-vơ... Dẫu vậy, nhờ có cuộc cải-cách văn vần này, thơ ca ta nay đã đỡ sáo, đỡ bó-buộc, đỡ chật-hẹp, và thêm vào những ý mới, lời đẹp và giọng êm...

◆

Báo giới ta cũng đã tiến bộ ! Quốc-văn ta cũng đã trải nhiều bước biến-thiên.

Cuộc đời là một cuộc tiến. Có tiến mới sống còn được. Báo giới và quốc-văn cũng phải chung một công-lệ ấy.

Làm cho quốc-văn ngày một tiến, ngày một đến được tận thiện, tận mỹ, công-việc ấy, tránh-nhậm ấy đương trút trên vai chúng ta và những người sau chúng ta.

HOA-BẰNG

Hộp thư

Bạn Khuông Việt, Sàigon — Bài M. V. S. P.... của bạn sẽ đăng vào số « Xuân Nhâm-ngọ ».

Bạn Thọ-Xuân, Bentre — Đã nhận được errata cuốn P.T.G. Cuốn ấy đã đệ ra cụ Ứng-Hòe — Sao lại gửi trả tiền báo ? Sẽ gửi báo cho quan phủ Đ.V.H. T.Đ.

Ô. Ng. Minh-Trí, Bentre — T. T. vẫn gửi mà ! sao lại mất ? ông thử hỏi nhà bưu điện ở đây xem.

Ông Thống-chế *Hồ-Oai*

Ông Hồ Oai là lính canh gác trong Nội cung. Triều Tự-Đức có giặc nổi lên phạm vào cấm thành, định đột nhập nội cung là chỗ đức Dực-tôn ngự.

Khi giặc kéo vào chỉ còn một lần cửa, ông Hồ Oai vội vàng đóng ập cửa vào và đứng chặn lấy cửa ấy. Ở ngoài giặc tức giận, cứ chém lia, và sỉa giáo qua những khe hở, chém đến nỗi ông Hồ Oai bị cụt mất một tai, máu ra lênh láng. Thế mà ông cũng không bỏ cửa Nội cung. Nhờ sự can đảm và trung thành của ông, đức Dực tôn li vị đi sang cung khác mà khỏi nạn.

Vì có công ấy, vua phong cho ông chức Thống-chế, lại sai lấy của kho đúc đền cho ông một cái tai bằng vàng để khi vào chầu thì đeo vào chỗ tai bị chém cụt, làm gương cho các bầy tôi khác.

Nguyễn-Điềm

Ông người làng Bồng-báo ? sức lực rất khoẻ mạnh. Đi thi võ ở kinh, đến kỳ xách tạ, ông xách đi một trăm 11 trượng (lệ chỉ có 20 trượng) đến kỳ đệ nhị, múa côn, roi, đi bài nào quên bài ấy, rồi đến kỳ đâm bồ nhìn, ông cũng lại hỏng nên bị quan trường sai « mời » ra.

Nhưng ông đi được mấy bước, qua chỗ bồ nhìn (bó bằng cây gỗ to 7 tấc, chôn sâu xuống 45 thước ta), ông nhân tức giận đá một cái, tiện ngang bồ nhìn như là cưa đôi. Thấy người lạ, quan trường cho gọi lại, rồi hỏi tên họ, tâu lên vua. Vua ban rằng : « Người ấy có sức khoẻ lạ thường, cho lấy vào làm hàng võ cử ».

Sau ông làm đến đề-đốc và tử trận ở Nam-định.

TIỆN-ĐÀM

Thống-chế Pétain đã nói :

« Đối với hết thảy chúng « ta, sự kiên-nhẫn có lẽ là « thứ can đảm hiện cần cho « ta hơn hết ».

KỲ SAU :

Mấy nơi cổ-tích ở vùng Bắc-ninh.

(Có kèm bản đồ)

Biệt-lam TRẦN-HUY-BÁ

Ô-tô, nhà lầu vợ đẹp, con khôn tiền của nhiều..

Đó là cái mộng tưởng của hầu khắp mọi người.

Muốn có cơ dễ đạt cái mộng tưởng ấy, chỉ có một cách

Mua vé số

ĐÔNG-PHÁP

1$00 một vé

Một đề nghị của bạn

Cần phải đính ngoa Việt-ngữ

VŨ - NHẬT

TRƯỚC khi vào đầu đề, tôi xin kể một chuyện, người có tâm-huyết với việt-ngữ, ai lại không phải nghĩ-ngợi. Một đêm về mùa đông, đã gần 12 giờ khuya, tôi còn được hai ông bạn đến đâm cửa và lôi ra một hiệu café.

Hôm ấy, hai ông bạn, một ông là người Lào đã du-học từ nhỏ ở Saigon và bên Pháp, một ông là người Pháp sinh-trưởng tại Đông-dương và đã có dịp sống trên gần khắp năm xứ. Trong lúc đi chơi, họ cãi nhau về tiếng nam ! Ông thì gọi là «rét», ông thì gọi là «lạnh». Rồi họ đánh cuộc: ai thua phải trả tiền một tiệc rượu. Tôi chính là người được cử ra phân cuộc ấy.

Khi nghe tôi giải nghĩa : «Người Nam-kỳ gọi là *lạnh* mà người Bắc-kỳ lại gọi là *rét*. Vậy cả hai anh đều phải cả.» Ông bạn Pháp cười to và nói : « Thôi, thế thì anh cũng lại không hiểu tiếng an-nam nốt ! Vả lại, cũng không phải một mình anh đâu, anh cứ giở các sách báo ra xem, sẽ thấy nhan nhản những chữ dùng sai. Họ dùng sai vì họ không chịu thận trọng và suy-xét. Chỉ có thế thôi.

«*Rét* và *lạnh*»có hai nghĩa khác nhau : khi anh biết một vật gì trái với nóng — anh nhớ cho : nóng chớ không phải nực — bởi sự sờ-mó (le toucher) hoặc sự nếm (le goût), thì anh sẽ bảo vật ấy lạnh. Còn khi anh cảm thấy trong mình trái với nực, tức là anh rét (avoir froid). Anh đã nhận rõ nghĩa là thế chưa ? Khi anh sốt rét thì anh rét thôi, chớ anh không lạnh. Vì nếu ai sờ, vẫn thấy người anh nóng. À, anh lại cười. Sao người ta không nói : cái thây ma hoặc cốc nước đá này rét lắm ? Tất ai cũng phải bảo : cái thây ma hoặc cốc nước đá lạnh. Vậy trong Nam thiếu mất tiếng « rét » và đã dùng sai tiếng «lạnh ». Còn như người Bắc đã biết nói tuyết lạnh, sương lạnh, sao lại không nói luôn trời lạnh, gió lạnh mà có người lại gọi là trời rét hay gió rét (1) ? Chẳng qua một người dùng sai, hai người dùng sai, không ai chịu nhận nghĩa. Vả lại, những người dùng sai ấy, phần nhiều lại là những người viết sách, làm báo, thì còn mấy ai dám bảo là sai » ?

Nghe bạn nói, tôi hết sức ngạc nhiên và tự lấy làm hổ-thẹn. Rồi tôi tình nguyện trả tiền tiệc rượu ấy.

Trong bài này tôi chỉ bàn qua đến việc đính ngoa lại những chữ mà ta thường thấy dùng sai trên sách, báo.

Nay ta cần phải cùng nhau thảo luận, đính ngoa những tiếng sai lầm mong cho việt ngữ một ngày kia sẽ được nhất trí.

Nhưng, một điều khó là chúng ta sẽ làm thế nào, căn-cứ vào đâu mà đính ngoa và làm thế nào mà biết được là đúng hay không đúng.

Năm xưa, ông Trần-mạnh-Đàn cho ra một cuốn sách nhan đề là « Quốc-ngữ đính ngoa ». Ông Phan-văn-Hùm có viết một bài phê-bình trên báo Phụ-Nữ tân-văn hồi ấy. Trong cuốn *Quốc-ngữ đính ngoa* ấy, ông Đàn có nói người Nam-kỳ đọc : *hoang hỷ* (2) ra *oang-ỷ* và *vợ chồng* ra *giợ chồng*. Ông Hùm giảng-giải tại sao người Nam-kỳ lại đọc như thế và ông kết-luận : « . . . Song giọng nào là giọng đúng . . . khó mà biết được . . . »

Cứ theo ý ông Hùm, thì ta cũng không biết tiếng của ta thế nào là đúng và cũng đừng nên nói đến sự đính ngoa. Ai muốn nói, muốn viết thế nào cũng được ; ai hiểu thế nào thì hiểu.

Vả, cũng không phải chỉ có một ông Phan-văn-Hùm. Chúng ta còn thấy ở Bắc có lắm ông nói : « nhà *biu*-đ ện, *kiu*-tế, . . . » và ở một vài miền Trung kỳ gọi « nước » là « *nác* » và « lửa » là « *lả* » .. Nhưng họ cứ nói bướng là đúng, thì làm thế nào được !

Theo ý tôi, ta phải đồng lao cộng tác, bỏ cái tính thích bênh-vực tiếng miền mình ở, thì mới có thể nói đến sự đính ngoa được.

Ta phải có một ban gồm có những bậc trí-thức trong ba kỳ và những nhà học-giả đã thông-thạo cả tiếng Trung, Nam, Bắc, sẽ, đại khái, theo như sau này, mà đính ngoa lại việt-ngữ :

1) Nhận rõ nghĩa để biết dùng cho đúng tùy theo trường-hợp như chữ « rét » và « lạnh » đã nói trên.

2) Xét nghĩa và căn-cứ vào những câu phong-dao, tục-ngữ và truyện nôm...

3) Không nên cho bất cứ tiếng gì ở tỉnh-thành hay dùng là đúng hơn ở quê-thôn.

Xem tiếp trang 8

(1) *L. T. S.* — « *Lạnh* » và « *rét* », thực ra, ở Bắc-kỳ dùng rất đúng và có phân-biệt nông, sâu, nặng, nhẹ khác nhau : khi nào tiết trời lạnh lẽo thì gọi là lạnh (tức là *lãnh* 冷); khi nào rét-mướt thì gọi là rét (tức là *hàn* 寒).

(2) *L. T. S.* — Chính thực thì là *hoan*-hỉ mà người ta viết thừa chữ *g* :

TÙY HỨNG

Số kiếp

Nào ai trông thấy ngọn tên đời
Bắn trúng con tim mấy phát rồi?
Giọt máu đào tươi không rịch chảy;
Tim đau, đau chói, biết kêu ai?

Giời sinh ra để chịu đau thương,
Khóc có làm gì, cái khóc suông!
Kêu lắm, máu dồn càng mạnh lắm,
Càng như sâu ẩn mũi xiên ngang.

Tên vừa rút khỏi, nhẹ đau ngay.
Tia đỏ thì phun, ngực ướt đầy...
Chói buốt đi theo giòng thác máu,
Nhưng tim thôi đập: ngán thương thay!

Người đời ôm-ấp khối u-sầu.
Chạy khắp doanh-hoàn ngó trước sau,
Tìm chốn yên-vui, nguồn hạnh-phúc:
Đắng cay thân nhuộm biết bao màu?.

Chỉ lúc chân tay sắp cứng đờ,
Người còn thoi-thóp chực ngày giờ.
U-sầu mới hóa, tan dần hết.
Kiếp sống hơn gì kiếp đá trơ!

H. MINH - TUYỀN

●

Khuê-các với chinh-phu

(Nguyên quận-chúa và Phạm Ngũ-Lão)

Rèm cuốn, a-hoàn báo: tiểu-thư,
Nghiêng mình gia-tướng đê vương-thư.
— Quốc-công trù sách, biên-quan vững,
Thiên-tử yên lòng ban tặng thơ —

Chiến-bào, còn đậu ánh trăng đông,
Bảo-kiếm bên mình rợn máu hung.
Tráng-sĩ chưa quên trời đạn lửa,
Mắt uy chẳng nhượng khách khuê-phòng.

Tay ngọc cầm thư, má ửng đào,
Bên trong áo gấm sóng xôn xao.
Tiểu-thư đứng trước viên gia-tướng,
Trạnh giá thiên-kim, trở gót vào.

Rèm buông, cánh triện tống chinh-lang,
Liễu ngủ rung cành, ngựa hí vang.
Thêm giận rợ Mông xâm đất nước,
Rợn-rùng bể máu ngợp sa-tràng!

Nép cửa buồng thêu trăng dãi soi,
Sương sa, gió lạnh, dạ bồi-hồi...
Tưởng người khuê-các kiêu-kỳ nẫy,
Chiến-sĩ âm-thầm, ánh ngọn roi.

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG
(Thu 1941)

●

Khóc Trần Hưng-Đạo vương

Năm Canh-tí (1300), Hưng-đạo vương mất, Phạm Ngũ-Lão cảm việc thời-gian, nhớ tình tri-ngộ, làm bài thơ viếng này.

Trường-lạc chung thanh, hưởng nhất trùng,
Thu phong tiêu-tán, bất thăng bi!
Cửu trùng minh-giám, kim dĩ hỹ!
Vạn lý trường-thành, thục hoại chi?
Vũ ám trường-giang, không lệ huyết!
Vân đê phức đạo, tỏa sầu mi!
Ngưỡng quan khuê tảo từ phi dật:
Ngư thủy tình thâm kiến vịnh thi.

PHẠM NGŨ-LÃO

Dịch:

Trên cung Trường-lạc, tiếng chuông hồi,
Hiu-hắt may thu, luống ngậm-ngùi!
Gương sáng chín lần đã vắng hẳn!
Thành dài muôn dặm bỗng đâu rồi?
Lệ sa mưa máu: sông xuôi chảy!
Mày nhíu mây sầu: lối đứng coi!
Thơ ngự rành rành ghi chuyện thực,
Tình sâu cá nước, đúng như lời...

NHẬT - NHAM dịch

◆

Cảnh mùa thu

Trời thu hiu-hắt hơi may,
Khóm sen xơ-xác, lá cây úa vàng.
Vẳng nghe tiếng nhạn trong sương,
Bụi hồng gió cuốn trên đường xa xa.
Bên hồ bóng liễu thướt-tha,
Phất-phơ chồi cúc điểm vài ba bông.
Vầng giăng bạc mọc bên sông,
Nửa in đáy nước, nửa lồng trong mây.

VÂN - THẠCH

Các đạo quan-binh Bắc-kỳ

NĂM 1891, vì tình thế bó buộc, ông De Lanessan, hồi đó làm toàn-quyền Đông-Pháp, bèn sáng-kiến ra chế-độ quan binh để giúp việc trị an trên mặt đất Bắc-kỳ.

Chính-thể Bảo-hộ mới thành-lập chưa được bao lâu, Bắc-kỳ còn Kinh-lược, là một cơ quan đã từng giúp nước Pháp, làm một người hướng-đạo để tiễu-trừ những sức phản-động hay những phong-trào bài ngoại, vẫn còn bồng bột giữa quần chúng. Nhờ thế, những tỉnh đồng-bằng vốn phẳng-lặng lại phẳng-lặng hơn, vì đất Trung-châu không phải là nơi dụng võ, trừ miền Thượng-du Bắc-kỳ, là nơi làm sào-huyệt cho những đám giặc cỏ ở bên Tàu tràn sang, cướp phá làng xóm, gieo trong óc quần-chúng những nỗi hãi hùng khủng bố. Một chứng-cớ : vụ Đông-triều vào năm 1886 mà báo Courrier d'Haiphong thuật bằng vài giòng ngắn ngắn, ở mục Tin chiến-sự : « Đại-úy Berrand chỉ-huy một đội lính pháo-thủ người Nam và số ít lính lê-dương, sau một trận rất kịch liệt, đã đuổi được 1200 quân Tàu đến cướp phá đồn Đông-triều, lại giết được 45 quân địch ». Hồi ấy dư-đảng Cờ-đen hoành-hành hết chỗ này đến chỗ khác, bọn Lương-tam-Kỳ quấy rối vùng Thái-nguyên, Bắc-kạn ; rồi Hoàng-hoa-Thám, tướng Ba Chỉ ở mạn Chợ Mọi, Thái-nguyên Đốc Thu ở vùng Phả-lại, vân vân, nối nhau cướp phá miền rừng núi Bắc-kỳ. Nước Pháp hồi đó phải đối-phó với nhiều nỗi khó-khăn trong công cuộc trị-an. Quân từ Trung-châu kéo lên Thượng du gặp phải một trở-lực lớn : rừng, núi. Việc tiễu tiến rất phiền-phức. Quân «giặc», nhờ có địa-thế hiểm trở, nên lúc ẩn lúc hiện, khiến quan quân phải chật vật mới được giao chiến. Có khi quan quân thận trọng từng bước, phi biết bao đạn-dược để dẫn-lộ, mới tới được một đồn quân bên địch, không ngờ lại là một đồn trống, nếu không phải là một hư-đồn của quân giặc bỏ lại để lánh đi nơi khác. Hay có khi chỉ thấy súng từ trong rừng bắn ra, mà không trông thấy bóng người. Đã đành vì địa-thế hiểm-trở nên giặc khó bình, nhưng một phần lớn cũng tại việc hành-binh không được nhanh chóng. Vì sự phân chia hai ngạch văn võ, nên mỗi lần động binh các võ-quan phải gởi ý-kiến các văn quan, rồi giấy má thư-từ đi đi lại lại làm trì-hoãn việc binh là một việc quý ư thần tốc. Chánh-phủ nhận thấy sự bất tiện, ấy nên tập-trung tất cả quyền hành vào một tay : đạo nghị định ngày 6-8-1891 ra đời.

Chia miền thượng-du Bắc-kỳ ra làm bốn đạo quan binh. Hai chữ thượng-du hồi trước có một nghĩa rộng hơn ngày nay. Thượng du chỉ tất cả những miền đồi núi bao-bọc phía trên chung-châu, nghĩa là gồm những nơi ngày nay ta gọi là trung-du và thượng-du. Đạo-lỵ đặt tại Phả-lại, Lạng-sơn, Yên-báy và Sơn-la. Phạm-vi hành chính và binh-bị các viên trưởng-đạo gồm các tỉnh Lao-kay, Hà-giang, Cao-bằng, Lạng-sơn, Hải-ninh, Quảng-yên, Yên-báy, Phú-thọ, một phần hạt Bắc-giang, Thái-nguyên Bắc-kạn, Thái-nguyên, Bắc kạn, Tuyên-quang, Sơn-la bây giờ. Từ đó việc chinh-phạt các nghịch đảng được tổ-chức một cách hoàn-bị hơn, nên có kết quả rất mỹ mãn.

Trong cuốn « *La conquête de l'Indochine* », ông A. Thomazi đã ví phương-pháp trị-an miền thượng-du như một vết dầu loang. Thoạt tiên, quan quân cố đánh chiếm lấy một vùng, rồi tổ-chức vùng đó thành một cơ quan kháng-chiến mạnh-mẽ. Từ căn-cứ ấy, cứ tuần tự tiến sâu và lan rộng mãi ra. Đất chiếm được đến đâu thì xây đồn đến đấy : đồn nọ làm thế ỷ-dốc cho đồn kia. Hiện nay, theo dọc đường xe lửa Hà-nội-Nacham, vẫn còn thấy thỉnh thoảng trên ngọn đồi nhiều pháo đài bỏ không in dấu tang thương.

TIẾNG GỌI ĐÀN
(*Tập văn luận thuyết*)
●
NÉT MỰC TÌNH
(tập văn vần)

Ông Cử DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn
mỗi quyển giá 0p.30
cước 0p.06
bán tại hiệu
ĐÔNG-TÂY
195 hàng Bông Hanoi

ấy là di-tích cuộc chinh - phục miền rừng núi gần đây.

Chế-độ các đạo quan binh, theo ý-định nhà cầm quyền lúc đầu, chỉ là tạm-thời cho đến khi trong nước được thái-bình thịnh-trị. Cho nên, năm 1896, một thượng-quan người Pháp phản-đối việc định sát-nhập các hạt Yên-thế (Bắc-giang) và Chợ Mới (Thái-nguyên) vào đạo quan binh, vì những nơi đó đã yên-ổn, dân-cư đã trở về yên nghiệp làm ăn. Nếu lại để các nơi đó, dưới chế-độ quan binh, thì không khác gì gieo sự khủng-bố giữa đám dân-chúng khiến họ cảm tưởng phải sống trong một tình-trạng giới-nghiêm. Rồi từ đó Chính-phủ Bảo-hộ dần dần thu nhỏ diện-tích các đạo quan binh, cho nên nhiều nơi trở lại với chính-thể cũ là thuộc quyền văn quan cai-trị.

Từ ngày Chính-phủ bình xong giặc giã các đạo quan binh vẫn là những thành-lũy để ngăn cản các cuộc ngoại-xâm hoặc những phản động lực để đánh đuổi những toán giặc bên Tàu thường lẩn trốn sang cướp phá bên ta. Đến nay còn bốn đạo quan binh : Hải-ninh, Cao-bằng, Hà-giang và Lai-châu. Ý-nguyện vị thượng-quan tôi kể trên đã đạt vì ông muốn miền biên-giới ta cần phải tổ-chức thành những thị - trấn đối diện với các quan-ải nước Tàu và lại còn đủ lực - lượng để phòng - thủ bờ-cõi với cuộc ngoại xâm.

TÂN-LANG

Mong các đại-lý gửi trả nhà báo các số cũ còn lại cho. Cảm ơn.

Giai-thoại trên đàn văn

CHỮ... với NGHĨA

CÓ lần, một người Pháp ở thuộc-địa đã lâu, kể cho tôi nghe một câu chuyện này :

Một nhà sư, chiều hôm 27 tháng chạp ta, quét vôi chùa để ăn tết. Vị tu-hành này, muốn cho chóng được việc, không thèm bóc những câu đối cũ, cứ cho nước vôi phủ bừa cả đi. Đương lúc nhà sư mải miết đưa chổi lên xuống để « chôn » chữ, thì có người dón dén đứng sau lưng đọc rằng :

Tăng nhân cố ý mai sinh tự !
Quá khách vô-tình điếu tử thi !

(Nhà sư cố ý chôn chữ sống... Vô tình khách qua đây khóc thơ chết !

Nhưng cũng chưa lý-thú bằng câu chuyện « chữ... nghĩa » dưới này.

Có một lần, một người tây thông-thạo hán - văn lắm, hỏi một vị xuất thân khoa - bảng : « Thưa ngài, tôi có xem một đoạn văn trong một cuốn ngoại-thư, như thế này, xin ngài cắt nghĩa hộ xem trong bài đó, tác giả định nói cái gì ?»

Hoa khai mãn địa ;
Tuyết tán mãn gia.
Phi điếu ngư như Lã-Vọng ;
Phi cổ cầm như Bá-Nha.
Nhất thanh trịch địa,
Nhất thanh hòa...
(Hoa nở đầy đất ;
Tuyết giải đầy nhà.
Không câu cá như Lã-Vọng ;
Không gẩy đàn như Bá-Nha.
Một tiếng rớt xuống đất,
Lại một tiếng hòa...).

Vị khoa-bảng kia nghe xong, cố moi trong ký-ức xem đoạn văn kỳ khôi đó nằm trong cuốn sách nào. Ngẫm nghĩ hồi lâu, ngài đành lắc đầu, thú thật là không thể đoán được là tác-giả định nói gì...

Người Tây mỉm cười, rồi ôn-tồn nói : « Theo như ý tôi, thì tác-giả mấy câu đó muốn tả người bật bông đấy, ngài ạ ! Không tin, ngài thử nhầm lại rồi nghĩ ra mà xem ! »

Thuật xong, người Tây cười cách hóm hỉnh rồi thêm : « Đấy là tự tôi đặt ra để thử tài vị khoa giáp ấy, chứ có lấy ở sách vở nào đâu ? »

THANH-SƠN

Cần phải đính ngoa việt-ngữ

Tiếp theo trang 5

4) Tiếng nào được nhiều nơi dùng hơn thì cho là đúng.

5) Tiếng nào đã có những chữ nho đủ nghĩa rồi thì ta đừng nên dùng thêm một chữ nam cùng một nghĩa vào nữa như ; *núi* Sài-*sơn*, *ông* Nguyễn-*công*, *người sơn nhân* v. v. (trừ ra những tiếng nào đã quen dùng lắm rồi thì không kể).

Chúng ta không nên cẩu-thả khi viết việt-ngữ, và cần phải tự sửa dần dần những tiếng sai, lời trật, thì việt-ngữ mới mong có ngày trở nên hoàn toàn được.

VŨ-NHẬT

Mảnh sử-liệu

Một trang nghĩa-sĩ

THÁNG ba năm Đinh--dậu (937), Kiều-Công-Tiễn, nha tướng của Dương-Diên-Nghệ, giết Diên-Nghệ mà chiếm đóng thành Đại-la (Hà-nội bây giờ).

Tướng của Diên-Nghệ là Ngô Quyền (1) đem binh từ Ái-châu (Thanh-hóa) ra đánh báo thù cho chủ, phủ vây thành Đại-la.

Tướng của Công-Tiễn là Lưu Định ra đánh, trúng kế của Ngô Quyền, bị bắt sống. Khi quân-sĩ áp-giải đến trước mặt Ngô Quyền, Định không chịu quỳ, cứ đứng lườm lườm, Quyền nạt rằng : « Đến nước này mà người còn chưa biết ăn-năn sao ? Dương-công, khi trước, vì dân nước Nam, đánh đuổi bọn Lý Khắc-Chính về Tàu, cứu dân thoát vòng đồ-thán, thế mà Kiều-Công-Tiễn dám vì chút tư lợi, đem lòng phản-phúc, ám-hại Dương-công : trăm họ đều giận. Mi là người Nam, tuy không chịu ơn riêng Dương-công, nhưng cha mẹ, bà con mi cũng nhờ có Dương-công mới được an-cư, lạc nghiệp. Lẽ ra mi phải vì thiên-hạ mà diệt Kiều-Công-Tiễn mới phải, chứ sao lại su-phụ kẻ bất-lương ? Ta vốn biết ngươi là nghĩa-sĩ, nếu nay ngươi biết cải tà qui chính, ta sẽ trọng dụng. Bằng không nghe nhời ta, ta sẽ sai phân thây cho bớt một tên bất chính ».

Định nghe xong, cúi mặt đáp : « Thưa ngài, tôi không phải sợ chết, vì trượng-phu chết vì nghĩa có sợ gì ? Nghe ngài nói, tôi đã ăn-năn các việc làm, song tôi đã trót thờ Công-Tiễn, không lẽ phản mà theo ngài ? Vậy xin ngài giết giùm tôi, cho tôi được toàn danh tiết ! » Ngô quyền nói : « Thế mới đáng gọi là trượng-phu ! Nếu ta giết ngươi, sẽ mang tiếng bất nghĩa với thiên-hạ. Ta tha cho và để mặc ngươi chọn lấy một đường, cải tà quy chính ». Nói xong, truyền tha Định ra.

Lưu-Định ra khỏi dinh của Ngô rồi, vừa đi vừa nghĩ : « Tiếc thay ! ta đang ẩn ở chốn non xanh, chỉ vì quá nghe người cám-dỗ mà giúp Kiều-Công-Tiễn ! Nay mới biết mình nhầm, há lại còn su-phụ nó hay sao ? Làm tài-giai biết việc nghĩa mà làm, dù ăn muối cũng cam. Ta thấy Ngô Quyền chân-chính, nhưng đầu hàng không được ! Nay lại giở về với đứa gian-tà thì mặt mũi nào còn nhìn kẻ sĩ trong thiên-hạ ! Thôi, ta đành giở về, mai danh ẩn tích để danh-tiết được vẹn-toàn ».

Vừa đi, vừa nghĩ, Lưu Định đến cửa thành Đại-la, đã toan không vào, nhưng sực nhớ ra, bụng bảo dạ : « Xưa ta giúp nó, ai ai cũng biết. Nay mình không bằng lòng su-phụ nó nữa, cũng nên vào nói rõ-ràng cho nó biết. Nếu bỏ đi luôn, thì ra mình trốn nó sao ! Kẻ sĩ khi ở, khi đi, đều phải cho minh-bạch ». Nghĩ vậy, vào thành, đến thẳng trước mặt Kiều Công-Tiễn.

Tiễn thấy Định về, mừng-rỡ hỏi-han... Lưu-Định nghiêm nét mặt, nói : « Tôi từ bỏ chỗ lều gianh xuống đây, không phải vì tham tước-lộc. Tôi nghĩ làm giai đứng trong vũ-trụ, dù hay dù dở cũng phải có công nhiều ít với non sông, nên mới giúp ngài. Nay tôi đã rõ ngài là bất-nhân, có lòng phản-nghịch, vậy tôi xin từ ngài mà lui về điền-dã ».

Công-Tiễn thấy thế, đáp rằng : « Thôi, ngươi bị Ngô-Quyền dụ hàng, nên thay lòng đổi dạ, mới giở lại nơi ta. Ta nói cho ngươi biết : Nguyên trước Lý Khắc-Chính đem binh đánh Giao-châu, bắt Khúc Thừa-Mỹ. Trăm họ đất Giao-châu đều oán. Dương Diên-Nghệ, giả danh ái-quốc, nổi lên, lấy danh-nghĩa báo thù cho họ Khúc. Kịp đến khi khôi phục được giang sơn, Nghệ lại tự chiếm lấy chức Tiết-độ sứ, không tìm con cháu họ Khúc mà lập, nên ta giết đi, ấy là vì nghĩa đó.»

Lưu Định hỏi : « Thế, sau khi giết Diên-Nghệ rồi, ngài cũng không tìm họ Khúc, hà ngài cũng có nghĩa sao ? Tôi là kẻ quê-mùa, không hợp với cái nghĩa của ngài, tôi xin lui, nhường ngài ở lại, làm việc nghĩa ! » Nói xong, lui ra.

Kiều Thuận, là em Kiều-Công-Tiễn, giận lắm, xin anh cho theo giết đi. Tiễn gật đầu, Thuận chạy ra ngoài cổng thành, vừa gặp Định, liền chém lấy đầu mang về... Than ôi ! Kẻ sĩ chỉ vì nhầm trong một lúc mà bị chết oan !

TIÊN-ĐÀM thuật

(1) *Tức là Ngô - Vương sau này*

TRI TÂN TẠP CHÍ

SÁCH của hiệu ĐÔNG-TÂY

đều

có bán

tại hiệu

NGUYỄN - KHÁNH - ĐÀM

Bán báo sách Bắc

12, — phố Sabourrain — SAIGON

Lược khảo về nước Nam-chiếu

Biệt-Lam TRẦN HUY-BÁ

SÁCH *Cương mục* chua rằng: Nước Nam-chiếu nguyên xưa là di-địa của Ai-lao, ở về phía tây Riêu-châu. Theo sách *Địa-lý* nhà Đường, thì Riêu-châu ở về phía tây quận Vân-nam, có một giống người Thái ở, phía đông-nam giáp đất Giao-chỉ, phía tây-bắc giáp đất Thổ-phồn. Tiếng xứ Man ấy gọi vua là *chiếu*. Nguyên xưa có sáu *chiếu* là: Mông-Tuấn, Việt-Tích, Lãng-Khung, Đằng-Đạm, Thi-Lãng, Mông-Xá. ở về cực nam, nên gọi là Nam-chiếu.

Năm Đường Khai-nguyên thứ 26 (738), Nam-chiếu là Bì-la-cáp quật cường lên, mà 5 *chiếu* kia thì hèn-yếu. Bì-la-cáp bèn đút-lót quan Tiết-độ sứ đạo Kiếm-nam là Vương-Dục, để xin hợp 6 *chiếu* lại làm một. Triều-đình nhà Đường ưng-thuận cho và đặt cho tên là Quy-Nghĩa.

Sau khi hợp nhất sáu *chiếu*, nước ấy ngày càng thêm cường-thịnh, chiếm được cả đất Thổ-phồn (Tây-tạng). Đến đời Tù-Long, con của Phong-Hựu, thì xưng đế hiệu.

Năm Đường Thiên-bảo thứ 9 (750), nước ấy chiếm đất Vân-nam, đặt quốc hiệu là Đại-Mông, đóng đô ở thành Thư-my (tức là huyện Đại-lý, tỉnh Vân-nam bây giờ).

Năm Đường Trinh-nguyên thứ 10 (794), nước ấy đổi quốc hiệu là Nam-chiếu, sau lại xưng là Đại-lễ.

Đến đời Hậu Tấn, Thiên-phúc năm đầu (936), Đoàn-tư-Bình giết được Dương-can-Trinh, chiếm cứ Kinh-châu, đổi quốc hiệu là Đại-lý, đặt ra 32 bộ, có một bộ gọi là Duy-Ma. Về sau, đến đời Hồng-võ nhà Minh (1368-1398) thì nước Đại-lý bị nước Mông-cổ giệt hẳn.

Sách nhà Minh, ông Dương-Thận chép rằng: « Thuở xưa có giống người Điều-vực, ở xứ Vĩnh-xương, nòi giống ngày càng cường thịnh, chiếm cứ nhiều đất-đai; rồi chia làm 99 bộ. Có bọn tù-trưởng cừ-khôi chia làm 6 tốp đều gọi là *chiếu*. Sau có một *chiếu* hùng cường, thôn tính cả 5 *chiếu* kia, gọi là Nam-chiếu ».

Có sách chép: Quân Nam-chiếu là giòng giõi vua Triệu Vũ-đế (Triệu-Đà 207-137, tr. T. L.) Nguyên trước Thừa-tướng nhà Triệu, tên là Lã-Gia, không chịu khuất-phục nhà Hán, bèn giết sứ-giả nhà Hán là lũ An-Quốc-Tử và Lý-Thông. Vua Hán Vũ-đế năm Nguyên-đỉnh thứ 6 (110 tr. T. L.), sai Lộ-Bác-Đức và Dương-Bộc đem quân sang đánh, Lã-Gia và Kiến-Đức đều bị giết, nhà Triệu mất. Con cháu còn sót lại của Lã-Gia mới hội nhau ở Thần-phù và Hoành-sơn, dùng thuyền-bè để vào các bến ngoài cửa bể đánh cướp, giết hại cả các quan thú, lệnh nhà Hán. Thế lực càng ngày càng mạnh, tự xưng là Nam-triệu, rồi ngoa xưng là Nam-chiếu. Đến đời Tam-quốc, Ngô Tôn-Quyền (Hoàng-vũ thứ năm, Bính-ngọ 226), sai lũ Đới-Lương và Lã Đại sang cai-trị Giao-châu. Có những nơi sông núi hiểm trở như là: Hà-hoa, Cao-vọng, Hoành-sơn, Ô-tôn, Hải-ngạn, Lỗi-lôi, Trường-xa, Quế-chử và Vọng-cái, v. v. Quân Nam-chiếu tụ họp ở các xứ ấy, đem những hóa-phẩm giao-thông, buôn bán với nước Tây-bà-dạ để kết làm vây cánh.

Hồi nhà Tấn (265-316) lại có đám thổ-tù là Triệu-Ông-Lý, đem đồ đảng đến hơn vài vạn người hợp với quân Nam-chiếu, rồi giao-thông với vua nước Tây-bà-dạ, chiếm-cứ châu Quỳ, châu Diên, đặt làm lộ Da-la, đặt châu Cầm, châu Hoan làm lộ Lâm-an, giao cho quân Nam-chiếu và lũ Ông-Lý cai trị. Lập ra thành-trì ở xã Cao-xá đất Diễn-châu, phía đông giáp bể, phía tây giáp nước Tây-bà-dạ, phía nam giáp núi Hoành-sơn, tự xưng làm vua ở xứ đó.

Đời Đông Tấn (317-420) sai Tào-Nhĩ đem quân sang đánh quân Nam-chiếu phải chạy ra núi Liên-mạt ngoài bể. Hễ quân Tấn kéo ra, thì quân Nam-chiếu bỏ chạy; khi quân Tấn rút về, thì quân Nam-chiếu lại kéo vào cướp phá. Cứ thế đến bốn năm tháng, quân Tấn vì không chịu nổi phong-chướng, chết đến quá

Xuân « Nhâm-Ngọ » (1942)

Một số đặc-san về dịp tết Nhâm-Ngọ, mà báo Tri-Tân đang sửa soạn, sẽ có nhiều bài vui, lạ hùng-tráng và dày công khảo-cứu của những —— cây bút mà các bạn đã từng quen biết. ——

Quyển Paroles du Maréchal
(Tập thứ hai) đã xuất bản
NÊN HỎI NGAY TẠI CÁC HÀNG SÁCH LỚN
GIÁ 0$25

nửa, phải bỏ về. Quân Nam-chiếu thừa cơ, kéo vào cướp phá, chiếm lấy phủ thành, rồi hoành hành cho mãi đến hồi nhà Đường.

Năm Tân-tỵ, Đường Thiên-bảo thứ 9 (750), quân Nam-chiếu vây thành Côn-minh quận Vân-nam, cướp được châu Riêu, và châu Tiểu-di tất cả đến 32 xứ. Tiết-độ-sứ ở Kiếm - nam (bây giờ là phủ Thành-đô) là Trọng Thông đánh quân Nam-chiếu. Các-La-Phượng, tướng của Nam-chiếu, muốn đầu hàng. Trọng-Thông không cho, cứ đem 8 vạn quân sang đánh nhau ở phía tây sông Nhị-hà, nhưng bị thua to : Đại-tướng là Vương - thiên - Vận cùng 6 vạn quân đều bị giết. Còn Trọng-Thông may chạy thoát. Các-La-Phượng thu quân về, rồi đắp thành Kinh-quan ở phía cuối sông, nơi cửa Long-vĩ-quan, gọi là « Vạn nhân-tủng ».

Hồi bấy giờ, Dương Quốc-Trung đương làm Tiết-độ sứ, cố giấu việc thua trận ấy đi, cứ việc mộ binh để tự đánh giặc. Có bọn Lý-Bật là giòng-giõi của quan Tiết-độ sứ trước ở Kiếm-nam, đem 20 vạn quân đi đánh Nam-chiếu. Các-la-Phượng lừa cho Lý Bật kéo quân vào thật sâu, khiến cho lương hết, quân chết đói, bấy giờ mới thúc quân Nam-chiếu đuổi đánh; Bật bị bắt sống, còn quân thì tan nát thua to

Quốc - Trung thấy thế nguy, phải báo cho triều-đình biết.

Năm Đường Trinh-nguyên thứ 16 (800) quan An-phủ sứ ở Vân-nam là Vi-Cao đánh quân Nam-chiếu thua ở Thiết-kiều phủ Lệ-Giang.

Đến hồi vua Ý-Tôn nhà Đường năm thứ tư, (Quý-mùi, 863), quân Nam-chiếu là bọn Mông-thế-Long và man-tướng là Dương-tư-Tấn đem năm vạn quân hai lần hãm phủ Đô-hộ Giao châu : Kinh-lược sứ là Thái-Tập và tướng là Ngu-Hầu cùng Nguyễn duy Đức đều bị chết !

Vì thế, năm Hàm-thông thứ 5 (Giáp-thân, 864), mùa thu, tháng bẩy, vua Đường Ý-tôn phong cho Cao Biền làm Đô-hộ tổng quản kinh lược chiêu-thảo sứ.

Đến tháng bẩy năm sau (865) Biền cất quân đi đánh Nam-chiếu, giết được Đoàn Tù - Thiên và Chu-cổ-Đạo, bọn dẫn đường cho quân Nam-chiếu. Quân Biền giết đến hơn ba vạn người, lại phá được thêm hai động thổ-man là bọn đã phụ họa với quân Nam-chiếu trước sức tấn công dữ dội của Biền, bọn tù trưởng hai động ấy đều bị chết, còn lũ thổ tù khác đều sợ sệt, đem hết gia thuộc đến hơn một vạn bẩy nghìn người ra hàng nhà Đường.

Biền đã đuổi được quân Nam chiếu ra ngoài bờ cõi, thu được thành Giao-châu, bèn đặt ra Tĩnh hải quân, đắp thành Đại-La (xem thêm Tri-Tân số 11 trang 6) và đào sông Tô Lịch, châu dân được yên ổn.

Còn quân Nam chiếu lại kéo về đất cũ, bàn cứ cho mãi đến đời Hậu Tấn Ngũ đại (936-946) Thạch-kính-Đường đem hơn 20 vạn quân sang đánh Nam chiếu ở vùng Đồ-sơn. Quân Nam-chiếu thua chạy, rồi phụ thuộc vào xứ Ai-lao, gọi là nước Đầu-mô, sau lại gọi là Bồn thác, thế là nước Nam chiếu bị giết từ đó.

Xét ra quân Nam chiếu từ khi hợp được 6 chiếu quật cường lên đến khi bị giệt được độ hơn hai trăm năm. Trong khoảng thời gian ấy Nam chiếu đã bao phen làm cho quân Hán, Đường và Tấn phải vất vả mới bình phục được vậy biết Nam-Chiếu cũng là một quân hùng mạnh ở thời xưa.

BIỆT LAM TRẦN-HUY-BÁ

Tên các vị đã giả tiền bao

(Tiếp theo)

Ô. Ô.	Lê Ảnh Faifoo	2p.80
	Phạm-Định Quang Nam	2 . 80
	Huỳnh Ngân Faifoo	2 . 80
	Trung hòa Trường Faifoo	2 . 80
	Trịnh-Quang Saigon	1 . 50
	Mme. Jean Faifoo	2 . 80
	Trần trung-Đặng Faifoo	2 . 80
	Phước Hiên Faifoo	2 . 80
	Bửu-Cung Quang-Nam	2 . 80
	Hà huy-Túc Quang-Nam	1 . 50
	Phan-Nhạn Faifoo	2 . 80
	Vinh au Tường Faifoo	2 . 80

(Còn nữa)

Rao vặt

Cần mua 1 quyển *Kinh-thi*, dịch giả : Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu nhà in Nghiêm-Hàm xuất bản.

1 bộ *Luận-ngữ* dịch giả : Cử-nhân Dương-bá-Trạc, nhà in Vĩnh-thành xuất bản.

1 quyển *Nước đời éo le* tiểu thuyết của ông Dương-tự-Quán in năm 1925 Hỏi nhà báo Tri-Tân Hanoi.

Cần mua « NAM - PHONG » cũ — Số 13 đến số 24 (Juillet 1918 — Juin 1919)

— Số 61 đến số cuối cùng.

Mua giá cao — Hay muốn đổi lấy sách cũng được. *Hỏi* : 94, phố Cầu. Gỗ Hanoi.

TRUNG-Bắc chủ-nhật ra ngày 28 Septembre vừa rồi có đăng một bài đề là *Ai đã tìm ra Angkor* ? Tác-giả thuật lại sự - nghiệp ông Louis Delaporte (1842 - 1925), có ý cho nhà thám-hiểm này đã có công tìm thấy những cổ-tích đất Chân-lạp.

Nhưng chính ông Delaporte làm sách, lại nói rằng Đế-Thiên Đế-Thích từ thế-kỷ thứ mười ba đã có một người Trung-hoa mục-kích và miêu-tả ra trước nhất (xem trang 9 quyển *Voyage au Cambodge : l'architecture khmer* của ông xuất-bản tại Paris, năm 1880).

Người Trung-hoa ấy tên là Chu Đạt-Quan, «hiệu là Thảo-đình dật-dân, người ở Vĩnh-gia (Ôn châu) ; khoảng năm Nguyên-chính (1295), vua Tàu sai sứ đi chiêu-dụ nước Chân-lạp, Đạt-Quan theo đi, ba năm về làm quyển *Chân-lạp phong-thổ-ký*, rất là đầy-đủ » (*Trung-quốc nhân-danh đại từ-điển*, trang 54).

Đoạn sách của Đạt-Quan nói về Angkor như sau này :

« Châu-thành chu-vi độ hai mươi dặm (ước chừng 15.000 thước tây),có năm cửa,cửa đều hai lần ; duy hướng đông mở hai cửa, hướng khác đều một cửa. Ngoài thành có hào nhớn, ngoài hào đường suốt, cầu nhớn. Hai bên cầu có thần đá, năm mươi tư vị, như hình tướng-quân bằng đá, rất nhớn và ác (cả thảy 108 vị, đúng số thần-tiên Ấn-độ : 54 ông thiện (*deva*) và 54 ông ác (*asura*). Năm cửa đều giống nhau. Bao lan cầu làm bằng đá, tạc hình con rắn (nâga) rắn đều chín đầu. Năm mươi tư vị thần đều lấy tay ôm mình con rắn, hình như không cho nó chạy.

« Ở trên cửa thành có năm đầu Phật bằng đá nhớn, mặt trông ra phương tây ; một đầu ở giữa trang-sức bằng vàng (hiện đầu giữa không còn nữa). Hai bên cửa tạc đá làm hình voi.

«Thành cũng làm bằng đá, chồng-chất cao lên tới hai trượng (mỗi trượng mười xích, mỗi xích độ 35 phân tây), xây rất chu-mật kiên-cố. Cỏ không mọc nhiều. Không có nữ-tường.

« Trên thành có chỗ giồng cây quang - lang. San-sát nhà không. Phía trong trông như cái bờ, dày hơn mười trượng. Trên bờ có cửa to, đêm đóng ngày mở, có người coi. Duy chó không cho vào.

« Thành ấy rất vuông-vắn, bốn mặt đều có một tòa tháp đá. Những người đã bị tội chặt ngón chân cũng không được vào.

« Ở giữa tỉnh-thành có một tòa tháp mạ vàng (tức là Bayon); bên cạnh có hơn hai mươi tòa tháp đá (thực ra có những 42 tòa); nhà bằng đá hơn trăm gian.

« Phía đông có một cái cầu thếp vàng, hai con sư-tử vàng bày ở bên tả bên hữu cầu, tám pho tượng Phật vàng bày ở dưới nhà bằng đá.

« Từ tháp vàng đến phía bắc độ một dặm (chừng năm, sáu trăm thước tây) có một tòa tháp đồng (Baphuon, ví với tháp vàng (Bayon) lại cao hơn, trông u-uất lắm.

SÁCH TÀU NÓI ĐẾN ANGKOR TRƯỚC TIÊN

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

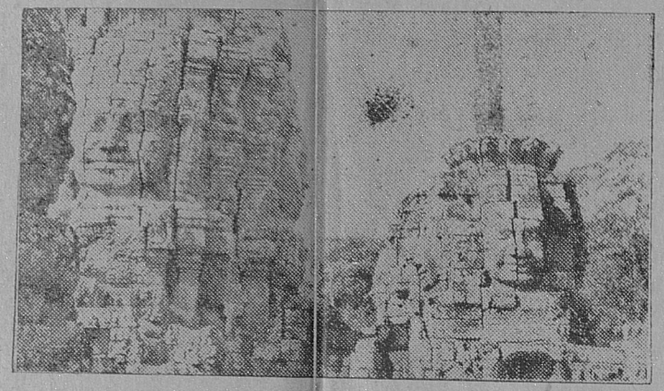

Một cảnh ở Đế-thiên Đế-thích
Cliché Tin-mới

Ở dưới cũng có nhà bằng đá vài mươi gian. Từ đây về phía bắc độ một dặm thì là cung-điện. Nhà ngủ có một tòa tháp vàng. Bởi thế những thuyền buôn tự xưa đến nay có câu khen « phú-quí Chân-lạp », tưởng ở đấy vậy.

« Ra ngoài cửa phía nam, hơn nửa dặm, có tháp đá (Phnom Bakheng), tục truyền là Lỗ Ban một đêm dựng nên (Lỗ Ban Chân-lạp, tức là Viçvakarman, thánh-sư nghề xây đắp ở Ấn-độ và Cao-mên). Mả Lỗ Ban (Angkor Vat) ở ngoài cửa phía nam cách độ một dặm, chu-vi độ mười dặm ; nhà bằng đá vài trăm gian.

« Ao đằng đông (Baray) cách thành về phía đông mười dặm, chu-vi độ trăm dặm, trong có tháp đá, nhà đá. Trong tháp có một pho tượng phật nằm bằng đồng, giữa rốn thường có nước chảy ra. (Pho tượng này không phải là tượng Phật Thích-ca, chính là một vị thần đạo Bà-la-môn ; năm 1936, Trường Bác-cổ có đào thấy đầu và nửa mình trên ở gần tháp Mêbôn).

« Ao đằng bắc ở phía bắc thành độ năm dặm, trong có một tòa tháp vàng vuông, nhà đá vài mươi gian ; sư-tử vàng, Phật vàng, voi vàng, trâu vàng, ngựa đồng, đều có cả.

« Cung - điện nhà vua và những nhà quan đều trông mặt về phương đông. Cung-điện thì ở phía bắc tháp vàng, cầu vàng. Từ cổng ngoài, chu-vi độ năm, sáu dặm. Ngói lợp ở nhà chính làm bằng chì, còn đều ngói đất sắc vàng. Cột cầu rất nhớn, đều chạm-vẽ hình Phật ; đầu nhà đẹp đẽ ; hành-lang dài, trên dưới có đường, trông cao ngất, sân-si, hơi có qui-mô. Ở chỗ làm việc có cửa sổ, chấn song thếp vàng ; bên tả bên hữu cột vuông, trên có gương, ước độ bốn, năm mươi mặt, bày ở bên cửa sổ ; ở dưới làm hình voi... »

Đó là lời ông Chu-đạt-Quan, tác-giả quyển *Chân-lạp phong-thổ ký* là một quyển sử-liệu có giá-trị cho việc khảo-cổ và đã in lại trong mấy bộ sách, như bộ *Cổ kim thuyết hải* (*Khâm định tứ khố toàn thư đề yếu*). Đem ra so-sánh với những sách xuất-bản gần đây, như quyển *Les Ruines d'Angkor* của ông L. Fournereau (trang 111-112), thì không những đúng mà thôi, lại còn có nhiều điều về thế-kỷ thứ 13 chưa ai chép được tường-tận như thế (xem quyển *Introduction à la connaissance d'Angkor* của ông V. Goloubew, trang 18-22).

Mãi đến thế-kỷ thứ 16, người Âu-châu mới bắt đầu nói đến Đế-Thiên Đế-Thích. Người thứ nhất là một vị cố-đạo Tây-ban-nha tên là G. Quiroga de San Antonio, làm ra quyển *Brève et véridique relation des événements du Cambodge* (bản chữ Tây-ban-nha in năm 1604). Người thứ nhì (Chevreuil, năm 1672) và người thứ ba (C. E. Bouillevaux, *Ma visite aux ruines cambodgiennes en 1850*) cũng là những người đi truyền giáo. Người thứ tư (*Henri Mouhot Travels in the central parts of Indo-China, 1858-1860*) là một nhà bác-vật ; người này có ngòi bút xuất-sắc, hình-dung được những đền-đài cung-điện một cách rất linh-động, cho nên thiên-hạ vẫn gọi là « nhà phát-kiến ra Angkor » (xem bài *Le centenaire du découvreur d'Angkor : Henri Mouhot* của ông A. Cabaton đăng trong tập *Comptes rendus de l'Académie des Sciences coloniales* quyển 6, năm 1925-1926). Rồi mới đến bọn ông Doudart de Lagrée, Francis Garnier và Louis Delaporte (năm 1866-1873). Ông này có công nghiên-cứu và lập ra một viện bảo-tàng cho nghệ-thuật Cao mên. Nhưng không có thể gọi ông là người đã tìm ra Angkor trước nhất, vì người tìm ra trước nhất là người Tàu đời nhà Nguyên, tên là Chu-đạt-Quan, như trên đã nói. Quyển *Chân-lạp phong-thổ ký* của ông Chu-đạt-Quan soạn ra đã hai lần dịch ra chữ Pháp, hiện nay còn dùng làm sách chỉ-nam cho nhà khảo-cổ (lần thứ nhất, vào năm 1819, do ông Abel Rémusat dịch cho tập *Nouvelles annales des voyages*, đề là *Description du royaume du Cambodge*, par un voyageur chinois qui a visité cette contrée à la fin du XIIIe siècle ; lần thứ hai, vào năm 1902, do ông Paul Pelliot dịch cho tập *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient* và đề là *Mémoires sur les coutumes du Cambodge* ; nay mai có một người Pháp trong Nam-kỳ đem ra in lại).

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

ông Nghè 13 tuổi:
TRỊNH HOA-ĐƯỜNG

THEO chế độ khoa cử xưa, cứ ba năm mới mở khoa thi một lần. Tuổi không hạn chế, nên thí-sinh dù già, dù trẻ đều chen vai thích cánh trong trường ốc. Vì vậy, nhiều khi cha con, chú cháu, tuổi tuy hơn kém rất nhiều mà cũng cùng nhau vào trường thi để mong giật được hai chữ « đồng khoa ». Lại có khi con đã đường đường làm chủ khảo mà bố vẫn tên còn ngoài mé Tôn-sơn! Nếu đã có người suốt đời bạn cùng lều chiếu cho đến khi đầu bạc răng long, thì cũng lắm kẻ đầu tuy còn xanh mà đã đoạt được giáp, tranh được khôi, làm nên sự-nghiệp lẫy-lừng, huân lao cùng với non sông trường thọ.

Trong số niên thiếu đăng khoa ấy có Trịnh-hoa-Đường, người làng Phù đổng, huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh.

Trịnh-hoa-Đường là một thiên tài lỗi lạc. Văn-chương xuất chúng, mới 13 tuổi, đã đỗ tiến-sĩ, tên vào chín bệ.

Khi xướng danh, vua Minh-mệnh thấy nhà tân khoa trên đầu còn chỏm, đem lòng sủng ái và tỏ nhời khen ngợi. Sau vời vào cung, ban yến và cho nằm cùng ngự tháp một đêm, vua hỏi đến văn-chương, Hoa-Đường đều ứng đối lưu-loát, tỏ ra một bực thông minh quán thế. Vua lại trao cho quyển *Kim-vân-Kiều* của Nguyễn Du. Hoa-Đường xem xong, cầm bút sửa lại mấy bài thơ chữ nho. Vua đồng ý và ban khen không ngớt.

Trước khi cho Hoa-Đường vinh quy bái-tổ, vua Minh-mệnh ban nhiều vàng bạc châu báu và cầm tay bảo rằng: « *Trẫm hận phùng quân chi bất tảo dã! Hà-tiên chi sự trẫm tất phó khanh* ». (Trẫm ân-hận không được gặp khanh sớm hơn nữa! Công-việc cai-trị tỉnh Hà-tiên, trẫm ủy thác vào khanh đấy ».

Hoa-Đường về làng với bao vinh diệu vui mừng. Ông có cung-tiến vào đình Phù-đổng đôi câu đối sau này mà hiện nay khách thập phương khi tới chiêm bái đền vẫn còn thưởng thức cái văn-tài của bực túc-nho đã quá-cố:

« *Thiết mã khóa vân-cung, tuấn nhạc chung anh thiên cổ ngưỡng.*

« *Thạch long kiều thủy các, sùng từ uy vọng ức niên khâm* ».

Thu xếp việc nhà xong, Hoa-Đường được cử làm Tuần-phủ Hà-tiên, bèn lên đường phó-nhậm.

Trong khi cầm vận-mệnh tỉnh Hà-tiên, Hoa-Đường nghĩ đến tình dân, kế nước, trong thì lo việc trị-an cùng sinh-kế của dân chúng, ngoài thì thu xếp việc ngoại-giao với Xiêm-la rất chu đáo.

Nhưng « mệnh » thường hay ghen ghét với « tài » Sự nghiệp Hoa Đường đương lừng lẫy dưới trời nam, phút chốc bị tiêu tan trước lòng đố kỵ của một đồng-liêu: viên án-sát Hà-tiên, đã nhiều tuổi, giận mình phải đem cái thân già nép dưới quyền một vị thủ-hiến còn ít tuổi, bèn tìm mưu-kế, hại người ngay!

Nghe nhời sàm tấu, vua hạ chỉ bắt Hoa-Đường, đóng cũi giải về kinh trị tội.

Nỗi oan những muốn vạch trời mà kêu. Hoa-Đường ngồi trong cũi, ngâm thơ để cáo với Hoàng thiên. Thơ làm rất nhiều, đọc đến đâu, vẫn có hai người học trò theo sau ghi chép; nhưng tiếc rằng không còn truyền tụng đến ngày nay! Duy có hai câu sau này vẫn được thế-nhân ngâm đọc:

Huân cao thặng dữ sơn hà cộng,
Đái lệ hưu tương bạc Hán-hoàng.

Tới kinh, Hoa-Đường phải án xử-giảo, con cháu không được dự ân-điển của nhà nước và cấm dự thi các khoa thi của Triều-đình.

Mãi sau, Triều-đình xét rõ oan tình, vua mới tha cho con cháu Hoa-Đường lại được dự ân-điển và được ứng thi.

Trịnh-hoa-Đường tuy mệnh yểu, nhưng danh còn thọ cho tới ngày nay.

Một kỳ sau, sẽ nói đến chuyện con Trịnh-hoa-Đường là Trịnh-Lệ lấy vợ đười-ươi.

NHẬT-NHAM

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine
(Septembre 1939 — Jain 1940)
của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50
Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

Cùng ông Trúc-Thê

Bản riêng về một điểm thuộc vấn - đề thanh

TRẦN CẢNH-HẢO

SAU các bài bàn về thanh vận, của tôi và của ông Trúc-Khê, lục-tục đăng trên Phổ-Thông bán nguyệt san, số 74, 76, 77, chúng tôi đã thừa nhận lẫn của nhau ít nhiều ý kiến.

Tuy nhiên, hai chúng tôi còn biện bác lẫn nhau về một chuyện: tôi thì cứ theo cũ, cứ cho các tiếng dấu ngã thuộc về thanh thượng, và cứ cho các tiếng dấu sắc khự thuộc về thanh khự; ông thì ưng đổi mới, ưng đem các tiếng dấu sắc khự lên bực trường thưởng, và ưng đem các tiếng dấu ngã xuống bực trường khự. Tuy còn một chuyện mà thôi, nhưng chuyện ấy, — đối với văn-học, nhất là đối với khoa-học, — lại là một chuyện thật nhiều quan hệ. Vì thế, tôi lại xin cùng ông bàn thêm, để mong giải quyết một cách thỏa mãn, cái vấn đề « Thanh-vận tiếng Nam ».

Muốn cho giản-tiện, tôi xin dùng cái biểu này để chỉ minh cái thuyết về thanh của tôi.

Tôi sở-dĩ sắp-đặt chủ-trương như vậy, chính là tôi cố ý chỉ-định cung tiếng nào thuộc về loại tiếng nào, bực tiếng nào thuộc về cung tiếng nào, và dấu tiếng nào thuộc về bực tiếng nào. Tôi đã sưu-tầm khảo-cứu, suy đi nghĩ lại, không biết đã mấy năm, mới lập thành thuyết ấy. Trước khi chưa lý-hội được, phân vân thì thật có phân-vân! Nhưng sau khi lý-hội được rồi, thì vốn không trù-trừ lượng-lự. Tôi đã bằng theo tập quán và bằng theo vật-lý-học, chỉ vì tôi nhận thấy, trong sự chỉ-định vị-thứ của các dấu tiếng đối với các thứ thanh, tập-quán của mấy trăm triệu người Tàu và của mấy mươi triệu người Nam, từ thuở đến giờ, chưa có điều gì quai-ngang với vật-lý-học cả. Vậy xin thuyết-minh giảng-giải mấy điều kiến-giải của tôi:

●

Một tiếng nói (un son vocal) là một sự-kiện vật-lý (un fait physique). Nó từ cửa miệng phát ra, động đậy ở không-trung, rồi mới lọt vào lỗ tai. Nó ra, nó động đậy, nó vào, thế là nó làm ba việc: ra, động đậy và vào. Làm được ba việc ấy, nó phải dùng một khoảng thời gian.

Trong khoảng thời gian ấy người ta có thể phân-biệt hai thời kỳ:

1· Lúc nó ra và động-đậy là thời kỳ phát-âm (émission des sons).

2· Lúc nó vào lỗ tai là thời-kỳ thầm âm (perception des sons).

HAI LOẠI TIẾNG	BỐN CUNG TIẾNG	TÁM BỰC TIẾNG	TÁM DẤU TIẾNG
Bằng	Bình	Trường - bình	không
		Đoản - bình	huyền
Trắc	Thưởng	Trường - thưởng	ngã
		Đoản - thưởng	hỏi
	Khự	Trường - khự	sắc khự
		Đoản - khự	nặng khự
	Nhập	Trường - nhập	sắc nhập
		Đoản - nhập	nặng nhập

Sự phân biệt hai thời-kỳ như thế rất là quan-trọng trong việc nghiên-cứu về ngữ-ngôn.

Trong khi khảo-sát các tánh-chất (proprietés) các phẩm-cách (qualités) của một tiếng nói, người ta có thể dùng hai phương-pháp : khách-quan và chủ-quan. Khi xét nó ở thời-kỳ phát-âm thì người ta thường dùng phương-pháp khách-quan, khi xét nó ở thời-kỳ thẩm âm, thì người ta thường dùng phương-pháp chủ-quan. Vậy cho nên các tánh-chất, các phẩm-cách của nó cũng có thể là khách-quan hặc là chủ-quan. Tánh-cách khách-quan là tánh-cách sở-hữu của nó, tánh-cách chủ-quan là tánh-cách tự mình qui-thuộc cho nó. Phương-pháp chủ-quan chính là phương-pháp thông-dụng nhất của các họa-sĩ, của các thi-nhân ; phương-pháp khách-quan mới là phương-pháp độc-tôn của các nhà khoa-học.

Thanh-vận-học phải gồm có hai phần và phải dạy cho ta biết hai thứ quan-niệm :

Một là dạy cho ta biết thanh, vận là gì ;

Hai là dạy cho ta biết phải áp-dụng thanh vận thế nào.

Phần thứ nhất dạy về tánh-chất của thanh và của vận, ấy là phần khoa-học ; phần thứ nhì dạy về phẩm-cách của thanh và của vận, ấy là phần văn-học.

Thế đủ rõ vì sao mà, trong câu chuyện định vị-thứ cho các dấu tiếng..., ông Trúc-Khê và tôi chưa thừa nhận ý-kiến của nhau. Tôi thì chú-trọng về sự phát-âm, ông thì chú-trọng về sự thẩm-âm. Cùng khảo sát một vật mà kẻ đứng đằng này, người đứng đằng kia, làm sao mà khỏi có những cái so-le trong kết quả của sự khảo-sát ?

Có lẽ, chỉ vì thế ấy, mà phái Ngô-Hưng, Thẩm-Ước, Trần-Quận, Tạ Diễu, Châu Ngung đời triều Vĩnh-minh, nước Tề, (479-502), đã liệt các tiếng dấu ngã vào thanh thưởng và các tiếng dấu sắc khự vào thanh khự.

Thật thế ! Bằng theo sự phát âm, chúng ta nhận thấy hai điều này :

1°) Tiếng dấu ngã, tự khuôn ra, rồi xoáy-xoáy lên, tiếng dấu hỏi, tự khuôn ra, rồi xoáy-xoáy xuống.

2°) Tiếng dấu sắc khự, tự khuôn ra, rồi ríu-ríu xuống ; tiếng dấu nặng khự, tự khuôn ra rồi trịu-trịu xuống.

Xoáy-xoáy lên và xoáy-xoáy xuống là hai cách động đậy giống nhau ; cho nên người ta đã liệt các tiếng dấu ngã và dấu hỏi vào một loại thanh. Ríu-ríu xuống và trịu-trịu xuống cũng là hai cách động đậy giống nhau, cho nên người ta đã liệt các tiếng dấu sắc khự và dấu nặng khự vào một loại thanh khác.

Lạ thật ! có người sẽ hỏi, nếu bằng theo sự thẩm-âm, thì *bá* phải đi với *bả*, *bã* phải đi với *bạ* ; nghĩa là các tiếng dấu sắc khự với các tiếng dấu hỏi đồng một loại, các tiếng dấu ngã với các tiếng dấu nặng khự cũng đồng một loại ; sao lại không theo cái thuyết mà ông Trúc-Khê cố ý chủ-trương ? Tôi xin thưa : không thể theo được ! Trong sự nghiên-cứu về một tiếng nói, vấn-đề thanh có phải là vấn-đề độc nhất đâu ! Một tiếng nói gồm có ba nguyên-tố : *khuôn*, *âm* và *thanh*. (Các điều này, ai đã đọc quyển « *Học tiếng Nam* » của tôi, chắc đã hiểu một cách tinh-vi, tường tất). Như bàn về khuôn, thì người ta nói : « Khuôn *oang*, *hoang*, *khoáng* ; khuôn *et chét*, *nghẹt* ; khuôn *eo méo xẹo* ; khuôn *o trỏ vo* .. »

Khi bàn về âm thì người ta nói : « Các âm *d*, *g* đều là âm họng ; các âm *n*, *tr*... đều la âm lưỡi ; các âm *ch*, *x*... đều là âm răng ; các âm *b*, *m*... đều là âm môi ».

Thế là, khi bàn về khuôn và về âm, người ta đứng về phương-diện phát-âm. Cho nên, khi bàn về thanh là nguyên-tố thứ ba của tiếng nói, người ta cũng phải đứng về một phương-diện ấy. Nếu đứng về phương-diện khác, về phương-diện thẩm-âm, thì — hiển nhiên — kém phần nhất-trí ! Nghị-luận mà không nhất-trí, thì mạch-lạc không được quán-triệt, nghĩa lý không được tinh-thông, người viết khó kết-cấu thành đoạn, thành thiên, người đọc không thể nào lấy làm thỏa lòng mãn ý. Vì lẽ ấy, và nhất là vì lẽ ấy, tôi không thể nào tán thành được cái thuyết của ông Trúc-Khê, dầu thuyết ấy cũng là một cái thuyết mà, năm sáu năm về trước, tôi đã lăm le, ngắm nghé, muốn đề-nghị chủ-trương.

Rõ-ràng, về phương-diện thẩm-âm, các tiếng dấu sắc-khự có phẩm-cách trong-trong như các tiếng dấu hỏi ; và các tiếng dấu ngã lại có phẩm-cách đục-đục như các tiếng dấu nặng khự. Điều nầy từ xưa đến nay, đã được nhiều học-giả công nhận : các tiếng dấu không, dấu hỏi dấu sắc khự, dấu sắc nhập đều là tiếng « thanh » ; các tiếng dấu huyền, dấu ngã dấu nặng khự, dấu nặng nhập đều là tiếng « trọc ». Người ta phân-biệt « thanh » với « trọc » để chỉ-định các lệ phiên-thiết là áp-dụng các thanh trong thi-ca.

Tưởng ông Trúc-Khê đã phỏng theo đó, cho khỏi « ép duyên », đã cho *bán* đi với *bản*, *bãn* đi với *bạn*. Sắp-đặt như vậy, mới xem qua, tợ-hồ rất hiệp-lý. Nhưng xét lại ông Trúc-Khê vẫn còn cho *ban* đi với *bàn*, *bát* đi với *bạt*, sao ở đây ông lại đành lòng cho « thanh » lẫn với « trọc », cho « trọc » lẫn với « thanh » ? Nói tóm lại, cách chỉ-định vị-thứ cho các thanh, theo ông Trúc-Khê, như là không điều-hòa, không trật-tự : « thanh trọc, thanh thanh trọc trọc, thanh trọc ! » Tôi chắc rằng người xưa đã liệt 8 thanh ra 4 cặp, mỗi cặp có thanh trọng, thanh đục, có trống, có mái, có dương, có âm... điều gì có hiệp dịch-lý mới xướng được các tinh-thần của người Á-đông.

◆

Còn điều tập-quán kia, cũng không phải là điều mà ta có thể khinh-thường miệt-thị. Chữ tập-quán đây có thể là một đồng-nghĩa của chữ thông-dụng. Các nhà ngữ-ngôn học thái-tây thường nói : « La question de langue est une question d'usage » Ý họ muốn nói : Vấn-đề ngữ-ngôn là một vấn-đề tập-quán, là một vấn-đề thông-dụng. Hay nói

Xem tiếp ở trang 23

MIỀN DUYÊN-HẢI SOMALIS CỦA PHÁP

NHẬT-NHAM

VỀ phía đông châu Phi, theo dọc vịnh Obock giao-thông Hồng-hải với Ấn-độ-dương, nước Pháp có một thuộc-địa rất trọng-yếu thường gọi là miền duyên-hải Somalis. Địa-thế rộng 22.000 cây số vuông. Thuộc-địa này phía bắc giáp xứ Erythrée của Ý; tây giáp nước Á, một phần to của Anh và một phần của Ý (hiện đương phân-tranh); đông giáp hai xứ Somalie của Anh và của Ý.

Với sáu vạn dân, lại thêm địa-thế thuận lợi, xứ Somalis của Pháp rất phồn-thịnh, nhờ có Djibouti là một thương-khẩu miền duyên-hải; một cái bến cho các tàu bể tạm đỗ trên con đường Suez sang Viễn-đông; một cái cửa của nước Á thông ra bể.

Nhờ có hải-khẩu Djibouti mà các sản-vật của nước Á có thể tiêu-thụ về mặt Hồng-hải và Ấn-độ-dương dễ-dàng hơn là qua triền sông Nil và qua các hồ to rộng ở Phi-châu.

Sự mậu-dịch được tiện-lợi như thế, là nhờ có đường hỏa-xa nối cao-nguyên ở trung-tâm nước Á với Hồng-hải. Cao-nguyên này cao hơn mặt bể trên 2000 thước tây.

Đường hỏa-xa này thực là một công trình vĩ-đại, một cái kết-quả duy-nhất của bao nghị-lực, tâm-trí để phấn đấu với nhiều nỗi khó khăn. Những nơi đường sắt chạy qua, xưa đều là những vùng ẩm-thấp hay những đồng bằng lầy lội. Nền tài-chính khi đó lại rất eo-hẹp. Nhân-công đã hiếm, vận-tải các vật-liệu lại gặp nhiều trở-lực về địa-thế. Tại miền Aonache, ở giữa đường từ Diré-Daona đến Addis-Abbeba (kinh-đô nước Á), có một cái vực vừa rộng vừa sâu... Những nỗi khó-khăn, những sự hiểm-ách trong việc đặt đường hỏa-xa này, ta có thể tưởng tượng mà biết được.

Cuối năm 1913, xây xong một cái cầu dài 151 thước tây, chạy trên vực Aonache 60 thước.

Tới 7 Juin 1917, khánh-thành đường hỏa-xa, một con đường dài 705 cây số, một phần chạy qua địa-phận xứ Somalis của Pháp. Đường này có quan-hệ đến sự giao-thông, nhất là đến sự mậu-dịch xứ Somalis Pháp nhiều lắm:

Năm 1925,	vận-tải	80.000	hành khách
— 1927,	—	252 000	—
— 1938,	—	412 000	—
— 1939,	—	568 608	—

Số hàng-hóa xuất-cảng và nhập-cảng càng ngày càng tăng bội phần.

Các hóa-phẩm nhập-cảng đều chuyển đến thành-phố Addis-Abbeba là một thị-trấn rất phồn-thịnh vì quan-trọng nhất của nước Á. Từng đoàn lừa, la và lạc-đà tới đó để lấy hàng-hóa chia đi các ngả, theo những đường độc-đạo chỉ riêng tiện cho các súc-vật qua lại.

Trái lại, Addis-Abbeba hằng ngày lại nhận được nhiều sản-vật các vùng lân-cận gửi đến: da và ngũ cốc sản-xuất ở tỉnh Choa, một phần ngũ cốc tán thành bột xuất-cảng ra ngoại quốc; ngà và cao-su là sản-vật các tỉnh miền tây; cà-phê, sáp ong, da báo đen rất hiếm và quý, từ tỉnh Djima đưa lại.

Bao nhiêu sản-vật nước Á được xuất-cảng ra ngoại-quốc, bao nhiêu hóa-phẩm nơi hải-ngoại nhập-cảng vào nước Á đều phải qua hải-khẩu Djibouti.

Thương-khẩu Djibouti tuy mới mở-mang rất sơ-sài, nhưng nhiều việc công-tác đã thực-hành từ trước khi khởi cuộc chiến-tranh hiện-tại. Ngoài ra, Djibouti nhờ có địa-thế thuận-tiện mà ngày thêm phồn-thịnh.

Cho nên Chính-phủ Anh, là một nước có nhiều quyền-lợi ở Đông-Phi, vẫn có mộng tưởng một ngày kia chiếm được Djibouti ở ngay đầu đường hỏa-xa Pháp-Ai-cập. Lại hi-vọng chiếm cả đường hỏa-xa này là một huyết-quản, không những giúp ích về mặt kinh-tế, mà lại có nhiều quan-hệ về quân-sự của các thuộc-địa Anh.

Hơn một năm nay, người Anh đã dùng hết các phương-pháp để mong đạt mục-đích, nhưng đều vô-hiệu trước sự cương-quyết của dân miền duyên-hải Somalis Nào phong-tỏa, không cho thực-phẩm vào Somalis, để dân phải thiếu-thốn mà quy hàng chăng!

Nhưng ngày đêm, nhiều tàu qua lại trong hải-phận vẫn thường cho thuyền con đem ít nhiều thực-phẩm giúp dân Djibouti, để tỏ lòng bác-ái.

Ngày nào cũng có phi-cơ của Anh hay của phái De Gaulles bay lượn trên không, rồi mỗi tuần-lễ một lần ném truyền-đơn hay báo-chí, khuyên dân Pháp và bản-xứ theo Anh.

Nhưng dù sao, dân thuộc-địa cũng vẫn một lòng cương-quyết, trung-thành với nước Pháp và binh-sĩ rất quả-cảm để chống lại sự uy-hiếp của Anh.

Anh luôn luôn phạm vào bờ-cõi Somalis Pháp. Xin kể qua một vài thí-dụ :

Hôm 2 Octobre 1941, Anh cho quân Nam-Phi công kích đồn Pháp Assamo. Cuộc sâm-phạm vào địa-giới kéo dài quá 24 giờ. Quan Toàn-quyền miền duyên-hải Somalis phải phản-kháng với Chính-phủ Anh.

Anh không những phong-tỏa dưới nước, mà cả ở trên cạn nữa. Vô phúc kẻ nào bị bắt trong khi đem lương-thực tới miền biên-giới ! Người Anh cứ việc đem ra bắn, không cần phải bá-cáo trước !

Lại hôm 15 Octobre mới rồi, cả một đội quân bản-xứ do một viên đội người Âu chỉ-huy đi tuần tại biên biên-giới Somalis bị quân Nam-Phi của Anh bắt làm tù-binh. Hôm sau, tù-binh ở nhà giam giải ra để lấy khẩu-cung, hai tay đều bị trói ra đằng sau lưng, tựa những tù thường-phạm.

Chính-phủ Pháp phản-kháng cũng vô-hiệu !

Thế mà mới cách đấy mấy hôm, Chính phủ Pháp ở Somalis bắt được một tên lính Nam-Phi của Anh, chỉ ra lệnh lột khí-giới, rồi lại tha cho qua biên-thùy về nước.

Anh phong-tỏa xứ Somalis của Pháp càng ngày càng ngặt !

Từ 18 Septembre 1941, tại vịnh Djibouti, không thể giao-thông với các tàu qua lại miền ấy.

Tuy tình-thế Somalis có vẻ bi-quan, song hai dân Pháp và bản-xứ trên dưới một lòng đoàn-kết, trước sau trung-thành với Mẫu-quốc, phấn-đấu đến cùng với sự uy-hiếp của Anh, nên toàn xứ đều vui-vẻ đi trên con đường hợp-tác, để chờ ngày trời quang, mây tạnh, một ngày tốt-đẹp của tương-lai !...

NHẬT-NHAM

TẠP TRỞ

Nạn hủi ở đất Á

Ở nước Á, người hủi rất nhiều. Nhà vua không có săn-sóc gì tới những bệnh-nhân đó, nên ở ngoài phố bất cứ chỗ nào người ta cũng gặp nhan-nhản những người hủi !

Dân Á cho bệnh hủi không lây, nhưng coi như cha truyền con nối. Họ mê tín cho rằng bệnh ấy chỉ có thể chữa khỏi khi nào người ta tắm bằng máu một đứa trẻ sơ-sinh.

Vì thế, hằng năm, ở khắp mọi nơi đều xảy ra những vụ trẻ con bị giết một cách rất thê-thảm !

(Henry de Monfreid : Vers les terres hostiles de l'Ethiopie)

MẠNH-PHAN dịch

Ngắm xem nội hóa nước nhà,
đến chè NAM-LỘC mới là thanh hương !

Các quý khách thích uống nước chè xin hỏi ngay chè **NAM-LỘC**

Bán tại :

Số 5, Phố Phúc-Kiến

HANOI

AI - TƯ' VẤN

SAU khi bài « *Anh-hùng với giai-nhân* » của bạn Tam-Gia ra trọn (coi T.T. những số 13, 14, 15), nhiều bạn viết thư về tòa báo tỏ ý muốn đọc cả nguyên-văn bài « Ai-tư vấn » của Ngọc-hân công chúa.

Vậy, chiều ý các bạn, Tri-Tân xin đăng toàn văn bài vấn ấy và thêm vào chú-giải cho dễ hiểu. — T. T.

●

Gió hiu hắt, phòng tiêu lạnh lẽo,
Trước thềm lan hoa héo ron ron.
Cầu-tiên (1) khói tỏa đỉnh non,
Xe rồng thẳm thẳm, bóng loàn rầu rầu !
Nỗi lai-lịch dễ hầu than thở,
Trách nhân-duyên mờ lỡ cớ sao?
Sầu sầu, thảm thảm xiết bao !
Sầu đầy dạt bể, thảm cao ngất trời.
Từ cờ thắm trỏ vời cõi Bắc,
Nghĩa tôn - phủ vằng-vặc bóng dương (2).
Rút dây (3) vâng mệnh phụ-hoàng,
Thuyền lan, chèo quế, thuận đường vu qui.
Trăm ngàn dặm quản chi non nước,
Chữ nghi-gia mừng được phải duyên.
Sang yêu muôn đội ơn trên,
Rõ ràng vẻ thúy, nối chen tiếng cầm.
Lượng che-chở vụng lầm nào kể,
Phận đinh-ninh cặn kẽ mọi lời.
Dù rằng non nước biến dời,
Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu là.
Lòng đùm bọc thương họa đoái cội,
Khắp tôn-thân cũng đội ơn sang (4),
Miếu-đình còn dấu trưng thường (5),
Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh-xanh (6).
Nhờ hồng - phúc dội cành hòe quế
Đượm hơi dương dây rễ cùng tươi (7).
Non Nam (8) lần chúc tuổi trời,
Dâng câu Thiên-bảo (9), bày lời Hoa-phong (10).
Những ao - ước trập-trùng tuổi hạc,
Nguyền trăm năm ngõ được vầy vui.
Nào hay sông cạn, bể vùi,
Lòng trời giáo-giở, vận người biệt-ly !
Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,
Xót mình rồng mỏi-mệt chẳng yên.
Xiết bao kinh sợ lo-phiền !
Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu.
Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước,
Phương pháp nào đổi được cùng chăng ?
Ngán thay ! máy tạo bất bằng,
Bóng mây thoát đã ngất chừng xe loan !
Cuộc tụ, tán, bi, hoan kịp bấy,
Kể sum-vầy đã mấy năm nay ?
Lênh-đênh chút phận bèo mây,
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu ?
Trần trọc luống đêm thâu, ngày tối,
Biết cậy ai dập nỗi bi thương ?
Trông mong luống những mơ-màng,
Mơ-hồ bằng mộng, bàng-hoàng như say !
Khi trận gió, hoa bay thấp thoáng,
Ngỡ hương trời bảng-lảng còn đâu ..
Vội-vàng sửa áo, lên chầu,
Thương ôi, quạnh-quẽ trước lầu nhện chăng !
Khi bóng trăng, lá in lấp-lánh,
Ngỡ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi.
Vội-vàng dạo bước tới nơi,
Thương ôi, vắng - vẻ giữa trời tuyết sa !
Tưởng phong - thể (11) xót-xa đòi đoạn,
Mặt rồng sao cách-giản (12) lâu nay !
Có ai chốn ấy về đây,
Nguồn-cơn xin ngỏ cho hay được đành ?

(Còn nữa)

---

1) Mộ giả vua Quang-trung ở Linh-đường giáp làng Đại-từ thuộc huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông. Tác giả tả, khi thương nhớ, buông mắt xa trông nơi mộ giả ở vùng Cầu-tiên, chỉ thấy mịt-mờ khói tỏa, nào đâu bóng dáng người yêu ? Còn hai chữ « đỉnh non », chừng tác giả phóng bút thêm vào cho nó văn-vẻ.

2) Chỉ về việc vua Quang-trung đem binh ra Bắc, giệt Trịnh, phù Lê.

3) Xưa, có nhà có nhiều con gái, cháu gái, khi kén được chàng rể rồi, liền cho cách màn mà rút dây, hễ rút được cô nào thì lấy cô ấy làm vợ, vì người chủ-hôn không biết gả ai, đừng ai.

4) Ý nói khắp họ nhà Lê bấy giờ đều được nhờ ơn vua Quang-trung.

5) Lễ tế về mùa thu gọi là «thường»; lễ tế về mùa đông gọi là « trưng ». Ý nói nhờ vua Quang-trung mà tôn-miếu nhà Lê được rỡ-ràng hương lửa.

6) *Tùng* và *thu* là hai thứ cây người ta thường trồng ở nơi mộ-địa. Ý nói nhờ vua Quang-trung mà lăng-tẩm nhà Lê được giữ - gìn nguyên-vẹn.

7) *Hòe quế* là thành-ngữ chỉ bóng về con cái. Ý nói bấy giờ bà Ngọc-hân đã sinh được mấy con, nhờ vua Quang-Trung như khí dương soi chiếu cho cây cối, nên từ cành đến rễ đều được tốt tươi cả.

8) Ví tuổi nhà vua được thọ như Nam-sơn.

9) Trong kinh Thi có thơ Thiên-bảo bày tỏ những lời chúc mừng thiên-tử.

10) Quan Phong-nhân ở đất Hoa chúc mừng vua Nghiêu : Đa thọ, đa phú và đa nam.

11) Hình-dạng, dáng-vẻ.

12) Cách biệt, vắng khuất.

Đăng Lam-thành sơn hoài-cổ phú

Hồng-lĩnh thiên thu chung tú khí.
Bồng-sơn nhất lộ liệt tiên cung.
Khí Trung-lang một đấng hào hùng;
Văn Thái-sử lạ lùng từ thuở bé!
Đeo cầm, bạc ra chơi cận địa,
Một non sông một vẻ lưu đề.
Núi Lam-thành ngất ngất bên kia:
Xem phong cảnh, vui - vầy không muốn chán!
Một bầu rượu ra chơi khiến muộn:
Khách cùng ta là bạn phong-lưu..
Tính tình tang!... nào thấy gì đâu!
Những đá mọc, suối reo thành lũy đó!
Sực nhớ lại Trần, Minh chuyện cũ:
Kia tướng-quân Trương-Phụ nó xây nên!
Sóng kình-nghê muốn nuốt Nam-thiên,
Mà cột đá vững bền nhờ có kẻ...
Quan Ngự-sử (2) một lòng trung-nghĩa,
Sang cầu phong mà tháo-lệ băng thanh.
Nhờ tầng trên lại có ông xanh,
Non nước cũ rành rành đã định phận.
Lê-thái-Tổ Lam-sơn tích phấn,
Một con dao nổi giận yên dân!
Phất nghĩa kỳ quét sạch bụi trần:
Còn cỏ miếu tinh-thần còn rạng thấy..
Bây giờ thấy: non kia, thành ấy...
Quanh rêu xanh, cỏ ấy mịt-mù thay!
Nầy đá xây, nầy mây phủ, nầy tiếng
Còi mục-thụ, nầy giọng hát ngư ông,
Lên chốn nầy bằng điếu cổ phong,
Thương ôi nhỉ! anh hùng đâu vắng tá...
Thôi ta hãy đề thơ vào đá:
Cho người xem Tạo-hóa khéo vần xây!
Kìa kìa kìa: bóng ngả về tây!
Trông giang hữu, áng mây còn dấp dới!
Kho giời đất mấy lâu dành-đợi;
Sẵn con thuyền lại sẵn đêm giăng..
Có nhân duyên lăng lìu với chị Hằng
Nhiều ân ái bàng khuâng cùng người cũ!
Chốn ấy thực Đào-nguyên, tiên-lộ,
Sẽ ngâm thơ, đọc phú mấy bài chơi.
Ca tỳ-bà ríu rắt bên tai,
Giọng ngư phủ trêu ngươi lắm vẻ!
Tiên-sinh vẫn Thốc-sơn tuổi trẻ,
Mà khách là chính hệ Thai phong
Chơi nầy đề khách non Bồng.

SÙNG-THANH sao lục

(1) *Một hòn núi danh thắng, ở về địa phận phủ Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an. Trên núi còn dấu tích cột cờ và thành Trương-Phụ xây, dưới chân núi nhìn ra sông, có tòa đền thờ Nguyễn Biền.*

(2) *Nguyễn-Biền.*

SÁCH KHẢO - CỨU VỀ PHẬT - HỌC

Trong năm nay, nhà soạn sách Phật - học Đoàn - trung - Còn có xuất-bản được bốn quyển sách rất có giá trị. 1·) **Chuyện Phật đời xưa** kể nhiều đời trước của đức Phật một cách rất thú vị, *giá 1p.00;* 2·) **Du lịch xứ Phật** thuật chuyện mạo-hiểm của một người nước Anh đến xứ Tây-Tạng, *giá 0p.90*; **Pháp-giáo nhà Phật** luận giải những vấn - đề siêu việt như Thánh, Thần, linh-hồn, quả báo với những phương pháp thoát khổ, *giá 1p.10*; 4·) **Na-Tiên Tì kheo kinh** tức là sự luận đạo giữa vua Di-lan-đà với nhà sư Na-Tiên, *giá 0p 80.* Mấy quyển ấy khảo-cứu theo kinh xưa điển cổ gốc chữ Phạn và chữ Ba-lị. Giáo-chánh rất kỹ. Qui ngài gởi mandat mua sách xin phụ thêm mười phần trăm làm cước phí. Cũng gởi lãnh hóa giao ngân. Có ít nhà đại-lý tại Hanoi, Huế, Phnompenh.

Thơ-từ: M. Đoàn-Trung-Còn 143, Rue de Louvain, Saigon

Quốc ngữ, chữ nước nhà

Năm châu trên mặt địa-cầu,
Úc, Phi, Mỹ với Á, Âu, bao người!
Bao đất nước! bao giống nòi!
Biết bao thứ tiếng cho người nói năng!
Ta vốn họ Hồng-bàng thủa trước,
Kể từ khi dựng nước đến nay,
Tiếng ta ngày mỗi thêm hay,
Chữ ta quốc-ngữ gần đây mới thành.
Học vừa tiện, vừa nhanh, vừa dễ,
Mấy tháng giời có kể là bao!
Ham ba chữ cái làm đầu,
Vần bằng, vần trắc, trước sau học dần,
Nhờ năm dấu đánh vần dễ thạo,
Ghép trắc bằng hoàn-hảo chóng thông.
Đến khi học đã thuộc lòng.
Đọc rồi lại viết, viết xong đọc liền.
Cứ như thế cần-chuyên mãi mãi,
Dẫu ngu đần cũng phải sáng ra.
Nói tiếng ta, viết chữ ta,
Tiếng nào nói được, viết mà chẳng nên.
Quốc-ngữ qui hơn tiền, hơn của,
Biết thời mau sáng-sủa trí thêm,
Tha-hồ sách đọc, báo xem,
Phổ-thông các môn, ngày đêm học-hành.
Hội « Truyền-bá » tán-thành việc học,
Các lớp riêng lục-tục mở dần,
Cốt là giúp bạn bình-dân,
Bấy lâu thất học muôn phần tối-tăm.
Đã dạy học lại chăm giúp-đỡ,
Bỏ tiền in sách vở đã nhiều;
Cấp giấy bút cho kẻ nghèo,
Phát bằng tốt-nghiệp bao nhiêu khóa rồi!
Muốn Nam Bắc trong ngoài như một,
Chốn dân-gian nạn dốt phải trừ.
Văn-minh đương buổi bây giờ,
Mà dân dốt-nát nước nhờ được sao!
Hỡi trong nước đồng-bào các bạn!
Sẵn hằng-tâm, hằng-sản giúp cùng!
Những vì hai chữ « Ích-chung »,
Mong cho giòng-giống Lạc-Hồng vẻ-vang.

THÙY-THIÊN

TRẦN CAN

SỐ 2

KỊCH LỊCH-SỬ BA HỒI BẰNG THƠ

PHAN-KHẮC-KHOAN viết

Tiếp theo kỳ trước

Cảnh III (*ban đêm*) *Trần Can, Cung-phi*

CUNG-PHI —
(ra đi về phía Trần-Can)

Vì tiện-thiếp, than ôi ! vì tiện-thiếp,
Mà nay đây chàng sắp phải nguy-nan !
Thiếp nguyện xin theo chàng một kiếp.
Ôi, chàng thơ yêu dấu, hỡi Trần-Can !
(Đến gần Trần-Can)

Chàng bợ-ngợ thôi xin đừng bợ-ngợ;
Thiếp đây là một kỏ cung-phi,
Bên gấm vóc, trong châu vàng rực-rỡ,
Sống âm-u như một đứa nô tỳ.

.·.

Những chiều đuổi trôi tàn trong vắng-vẻ
— Biết tên chàng từ những buổi đào tơ —
Lòng non yếu gợn oai hùng trong lặng-lẽ :
Thiếp mơ chàng, vang đọc những lời thơ.

.·.

Chỉ vì thiếp yêu thơ chàng tha-thiết,
Cao lời ngâm trong một lúc mê-say,
Mà chàng phải bọn gian-hùng toan giết,
Và phải gông cùm nhục nhã buổi hôm nay.

TRẦN-CAN — Nhưng, cũng vì thế, nên trong giảng mờ lịm ánh,
Ta được trông người ngọc buổi hôm nay;
Sao ảm đạm trên nền trời sắp lánh,
Thôi, khuyên nàng lui gót lại lầu tây.

CUNG-PHI — Nhưng chàng hỡi, hôm nay ngày gặp mặt,
Lại là ngày vĩnh quyết của đôi ta !
Và thơ thẩm từ nay thôi sẽ bặt.
Trong cung mơ em giãi bóng giảng xa...

.·.

Trời mờ thẩm, mây gầy đương lưởng vưởng.
Hàng cây đen ủ rũ đứng buông tang...
Vì quyết đã thờ chàng trong lý-tưởng,
Thiếp nguyện xin chuộc tội, chết theo chàng.

Màn hạ từ từ khuất bóng Cung-phi, chỉ còn T.C. phía trước

.·.

Cảnh IV (*Sáng hôm sau, Trần-Can vẫn ở chỗ cũ, màn mở, Quý-Ly ra*).
Trần-Can, Quy-Ly, thêm Cung-phi

QUÝ-LY — Trần-Can hỡi ! đây gươm vàng khủng khiếp
Đương âm thầm say khát máu đầu rơi.
Đời nghịch mạn từ đây thôi hết kiếp ;
Giòng thơ ngông nay đến lúc sắp khô rồi !

CUNG-PHI — Thánh thượng quyết không tha người nghĩa-sĩ
(ra sụp xuống trước Quý-Ly)
Thì thiếp đây xin chịu chết theo chàng..

QUÝ-LY — Không, phi hỡi, trước yêu kiều dung nữ,
(nâng Cung-Phi dậy)
Cả hùng oai và sát khí đã qui hàng.
Đây kiếm thép sẽ lìa rơi lưỡi sắc
Trước môi đào, mắt biếc của tiên nga.
Ta không nỡ hại kẻ anh tài cương quắc
Và ái phi yêu - dấu của lòng ta.

.·.

Thôi, phi hãy lui về nơi cung-cấm,
Sửa dung nhan tô lại nét xiêm vàng.
Hãy yên tĩnh nghiêng minh trong trướng gấm;
Trẫm sẽ truyền ân-xá gã Trần-lang.

Với T.C Trần-Can ! hãy lui về nguyên quán,
An nhàn vui theo thú điền viên.
Thôi, dẹp hết nỗi u sầu oán thán,
Và ngăn dòng lấp cạn suối thơ điên !

TRẦN-CAN — Không, ta đã quyết, từ lâu ta đã quyết,
Còn một ngày vui sống ở trần gian,
Ta vẫn cứ say sưa và mải miết,
Cho thơ ngông man mác chảy tuôn tràn.

QUÝ-LY — Ngươi đã quyết một lòng khẳng khái,
Thì, gươm vàng đây đương khát máu đầu rơi;
Và hồn thẩm của cung phi êm ái
(Chỉ Cung phi)
Sẽ bay theo tiếng rụng của đầu người !

TRẦN-CAN — Thôi, đành phải ngậm hờn tim dập tắt,
Ngăn lấp dòng thơ mạnh, suối yêu thương !
Sống kham khổ với mảnh linh hồn u uất,
(Ngảnh về phía Cung phi gục cúi xuống)
Đền đáp lòng cao qui của cung-nương.

HỒI THỨ BA

Cảnh I : *Trần-Can*

Hai năm sau.
Trong nhà tranh, cảnh xuân của hàn sĩ...
— một tràng pháo nổ xa xa.

TRẦN-CAN — Đây xuân về phơi thẩm dãy lan can,

Pháo giao-thừa đương lừng lẫy nổ ran.
Đây hương khói đương tưng bừng phảng phất
Ta lại thấy lòng thơ say ngây ngất.
Đây bông đào nghiêng xuống đón thủy tiên,
Ta ngại ngùng ngâm một khúc trường thiên:
(Dừng lại viết, rồi đọc)
Ngày xuân thầm nhẹ buông niềm luyến ái
Lòng xuân thầm cũng mê man vì cảm khái
(Lại viết, rồi lại dừng)
Hỡi loạn thần gian-tướng Quý-Ly ơi,
Máu tim ta đương sôi nổi vì ngươi.
Này hỡi ngươi, kẻ lòng lang dạ thú,
Tội chiếm đoạt kia trời nào đã thứ,
Mà ngươi dám ngang nhiên vùng vẫy trên ngai vàng.
Lưỡi gươm thần cứu quốc phải lia phang
Vào cổ ngươi cho máu gian tham vung tóa,
Cho linh hồn vua ta dưới suối vàng được thỏa.
Ôi võ công, ôi dũng tướng, ôi trung thần!
Mau trả thù rửa hận cho tiền quân...

.·.

Lòng căm hận đương bùng như lửa bốc,
Thôi, đây thơ ta và đây, liều thuốc độc...

.·.

Đã hai năm, ôi rồng rã hai năm,
Ta phải xếp bút nghiên và tạm gác đàn cầm.
Ngày nay, với cảnh giời xuân ta ngây ngất,
Ta đem đàn, giây tơ đồng đã đứt.
Nhện vô tình đã dăng bức màn sưa...!
Lên giây đồng, ta lựa lại khúc năm xưa!
(Đạo một bài đàn)

.·.

Quý-Ly hỡi, ngươi không cảm thương người nghĩa khí,
Ngươi đã giết những anh hùng hiệp sĩ,
Những trung thần cứu quốc của tiền triều;
Nhưng, linh hồn ta, muôn năm, phóng đãng phiêu diêu,
Không thể bức bách, nén dè, kiềm chế;
Sẽ tránh khỏi lưỡi gươm nhơn ô uế...
Rồi đây, ôi gian tướng họ Hồ!
Linh hồn ta muôn năm siêu thoát tự do...(1)
(uống thuốc độc chết)

.·.

Cảnh II (trong tây cung)
Cung phi, rồi *Nữ tỳ*, rồi *Quý-Ly*

CUNG-PHI — Thôi từ đây sao thần lặng khuất,
Nguồn thơ linh lịm tắt ánh chơi vơi;
Vườn trần thế từ nay thôi vắng ngắt,
Vì Trần-Can yêu dấu đã qua đời!

Trần-Can ơi, đứng anh hùng tiết liệt,
Hồn linh thiêng nán đợi, thiếp theo chàng;
Thôi gác thầm, từ nay xin vĩnh biệt,
Vì thân này quyết chết gặp Trần lang...

.·.

Trời xuân sáng, than ôi hàng liễu biếc
Sẽ thôi ca theo nhịp điệu thơ vàng;
Và đào thắm sẽ mơ màng luyến tiếc
Vì, ta không còn ca nữa điệu thơ vang...

.·.

Trần-lang hỡi! còn đâu thơ tuyệt diệu,
Để chàng ngâm và cho thiếp vang ca!
Chùm hoa yêu: đầy vần thơ truy điệu,
Viếng Trần-lang yêu dấu của lòng ta.

.·.

Trần-Lang hỡi! Đây xuân về dịu thắm,
Sao lòng ta đương cảm thấy hoang mang?
Vì lời ngọc từ nay thôi chẳng tắm
Nhành tơ xanh phơ phất mái hành lang...

.·.

Trần lang hỡi! còn ai đâu thổn-thức,
Để say sưa thơ thắm của chàng!
Ai sẽ đốt lò hương trầm sực nức,
Và ngâm thơ hùng khẳng khái của Trần lang?

.·.

Thiếp xin nguyện cho muôn đời sau vĩnh viễn
Sẽ còn ghi thơ bất diệt của chàng;
Hồn linh thính sẽ khinh lớn muôn ảo huyễn,
Giây lụa hồng nay xe thiếp đến Trần-lang
(tự vẫn)

.·.

NỮ-TỲ *vào* — Ngao ngán nhẽ, qui nhi đã tự sát,
Trung thành theo thi-sĩ, qui phi ơi!
Thôi từ nay trong hương chiều bát ngát,
Những lời thơ bi tráng hết vang rồi!

.·.

Ai sẽ đứng ca vang bên rặng liễu
Cho em nghe âm điệu của thơ thần?
Ai sẽ nhắc cho em còn rõ hiểu
Những tinh tình cao quí của thi nhân?

.·.

Hỡi thi sĩ oai hùng và dũng cảm!
Đây say sưa muôn vạn khối tim vàng
Đương héo rũ trong tang buồn ảm đạm
Lúc sao thần thơ tắt, hỡi Trần lang!

(Còn nữa)

PHAN KHẮC-KHOAN

(1) Lời ở đoạn này làm theo bài « Linh hồn thi sĩ » của Khái-Hưng

Bàn riêng về « thanh »

Tiếp theo trang 16

cách khác — nói nôm-na cho dễ nhớ hơn : Câu chuyện nói-năng là câu chuyện « xài ». Ở xứ Đại-Việt ta về phương-diện thương-mại, một đôn-la bằng vàng của Mỹ chưa chắc đã dễ «xài» bằng một đồng tiền kẽm, bằng một trự xu kêu. Hơn nữa, nếu về miền thôn-quê mà mang đôn-la theo đầy một va-ly, chưa chắc đã «xài» được đồng nào ! Thành thử, về ngữ-ngôn tập-quán là một thế-lực, là một oai-quyền ; có khi, nó đè nén được cả chân-lý ! Là vì ngữ-ngôn là một cái công-cụ, là vì ngữ-ngôn chỉ có cái công-dụng ám-hiệu mà thôi.

Nói tóm lại, trong sự đàm thuyết về ngữ ngôn, phải thừa nhận rằng tập quán cũng có cái sức mạnh hơi tương đương với chân lý. Một luận-thuyết mới lập có thể ví như một ngôi nhà mới xây ; Phải có cơ sở, ngôi nhà mới được vững vàng, kiên-cố, phải có phiên-ly ngôi nhà mới được nghiêm-mật. trang hoàng. Các luận thuyết về thanh của tôi đã lấy chân-lý làm cơ-sở, lại lấy tập-quán, làm phiêu-ly. Đã có lý, lại có thế, tôi chắc rằng nó sẽ được kiên-cố, vững vàng trang-hoàng, nghiêm-mật. Tuy nói đã bị vài phen canh cải, như mới phải đổi « thượng » ra « thưởng » phải đổi « khứ » ra « khự », nhưng sự canh cải sơ-sơ như thế ấy chưa có thể gọi là một sự biến hình.

TRẦN-CẢNH-HẢO

Cùng ông Trần Cảnh-Hảo

Về vấn-đề tứ-thanh, sau khi cùng ông Trần thảo-luận, tôi lại có một cuộc thảo-luận dài với ông Lệ Ngọc-Trụ, một *nhà học* ở Nam-kỳ. Cuộc thảo-luận sau đó, các bài của ông Lê thì đăng ở các báo *Đông-dương*, *Nghệ-thuật*, *Việt-nam*, và *Bút-mới*, còn các bài của tôi thì đăng ở các báo *Phổ-thông bán-nguyệt-san* và *Nước-nam*. Cuộc thảo-luận sau, chúng tôi cũng làm nẩy ra được đôi điều có ích cho vấn-đề này. Vì vậy, ý-kiến của tôi hiện giờ có khác đôi chút với khi tạm rút cuộc thảo-luận cùng ông Trần Cảnh-Hảo. Tiếc rằng ông Trần hình như không biết có cuộc thảo-luận sau ấy, nên bài này ông viết, chỉ là viết tiếp vào cuộc thảo-luận trước thôi. Dù vậy điểm chính trong bài này của ông cũng vẫn không trái thời. Sau khi đọc bài này, ý-kiến tôi vẫn không đổi thay. Muốn tiện trả lời ông, tôi xin ông đọc bài « *Cũng đề liễu-kết vấn-đề tứ-thanh* » của tôi viết đăng trong *Phổ-thông bán-nguyệt-san* những số 90 và 91 xuất bản tháng 9 năm 1941.

TRÚC-KHÊ

Cùng các bạn đọc chưa trả tiền báo

Bản chí xét sổ lại thấy còn nhiều bạn đọc xuốt từ số 1 đến nay vẫn chưa trả tiền báo cho. Vậy giám mong các ngài kíp mua mandat gửi ngay về để tiện việc sổ sách, Đa tạ trước,

TRI-TÂN

TIN VĂN HẰNG TUẦN

Đông-dương

Khu học-xá Đông-dương (La cité universitaire indochinoise) sẽ lập tại Bạch-mai (gần nhà thương Vọng), sẽ có những chỗ để cư-chú, để làm việc, để nhóm-họp, để giải trí, và để tập thể-thao, v. v. Lại có chỗ dành riêng cho các nữ-sinh.

Ủy-ban sáng lập ra khu học-xá Đông-dương này đã bắt đầu họp tại phủ Toàn-quyền chiều hôm 16 Otobre, do bà Toàn-quyền Decoux chủ-tọa. Quan Toàn-quyền Decoux cũng thân đến dự cuộc hội họp. Ngài có tỏ bày với ủy ban những điều đại-cương về dự-định lập khu học-xá cùng những điều quyết-định để chóng thành sự thật.

Sau hết ủy-ban có xét mấy kiểu nhà định làm lại khu học-xá, tìm cách khuếch trương và lấy tiền để giúp vào công việc lớn lao này.

Chiều hôm 21 Octobre phòng Triển-lãm các bức vẽ của Nhật đã khai-mạc tại Hội Khai-Trí. Quan Toàn-quyền Decoux, đại-tướng Mordant và quan thống-sứ Delsalle cũng có tới dự. Những bức họa thủy-mạc được mọi người rất chú ý.

Từ hôm 8 Otobre, mưa to suốt ngày đêm, đến ngày 12 Octobre mực nước cao hơn mực thường 5m50. Ba phủ huyện Đức-thọ, Hương-sơn, Hương-khê thuộc Hà-tĩnh bị ngập hơn 10 ngày.

Thống-chế Pétain đã cho đổi trường Cao-đẳng Luật-học ở Hanoi ra trường Đại-học luật Đông-dương, Nay mai trường Đại-học luật Đông-dương sẽ mở lớp học thi lấy bằng Luật-khoa tiến-sĩ.

SÁCH MỚI

Trí-Tân mới nhận được :

Phan thanh Giản (1796-1867) et sa famille của 2 ông Pierre Daudin và Lê văn Phúc soạn. Sách dày ngót 200 trang, giấy tốt, có nhiều ảnh, do Sté des Etudes Indochinoises xuất bản, nhà in Nguyễn văn-Của, Saigon.

Tập khảo-cứu này rất công-phu và tỉ-mỉ. Độc-giả sẽ nhận thấy cái giá trị của sách trong những tài-liệu đã sưu tầm.

2/ Ái tình muôn mặt (tập thứ nhất) của ông Lê-văn-Trương, sách dầy 125 trang, giá 0p60.

3/ Người em sầu mộng (tiểu-thuyết) của ông Vũ-trọng Can, sách in bằng giấy bản, dầy 121 trang, giá 0p60.

4/ Tham thì thâm (loại sách hoa Mai số 3) của ông Nguyễn văn-Nghiêm, giá 0p10. (Hai cuốn dưới đều do nhà in Cộng-lực xuất bản) Xin cám ơn các tác-giả, các nhà xuất-bản và vui lòng giới-thiệu với độc-giả Trí-Tân.

Đặt mua ngay từ giờ *Sách của quốc-học thư-xã*

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Tinh-hoa ngót 100 bộ kinh, Chuyện, Sử, Tử, nhiều tài-liệu, điển-cổ, cần-thiết cho sự hiểu biết Quốc-văn và văn-chương Việt-hán, một bộ từ-điển phong-thú chưa từng có trong văn-khố Việt-nam, dầy 400 trang, có chua chữ Hán

giá : 2p.80

Giấy bouffant hảo hạng 3p.80 — Giấy bouffant bìa vải chữ vàng 5p 00 (Loại sách quý đẹp này có đánh số và có chữ ký cùng lời đề-tặng của ác-giả, dành riêng cho các bạn đặt mua trả tiền trước, các hiệu sách không bán.

BÁN GẦN HẾT

QUỐC-SỬ ĐÍNH-NGOA *Giá* 0p.50

NGƯỜI LỊCH THIỆP *Giá* 0p.65

Hai cuốn này được báo-giới trong nước nhiệt liệt hoan-nghênh, nên chỉ còn một số rất ít.

Thư và mandat mua sách gửi cho
M. LÊ-VĂN-HÒE
Giám đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ
16 bis, rue Tien Tsin — Hanoi

MỚI CÓ BÁN

THẰNG TUẤT

Tiểu-thuyết của Trần-Mai-Ninh

Giá 0p.45

Có thêm phần phụ bài « Cái lối văn rườm rà mà trống rỗng đang nhiễu hại ở xứ này » để trả lời những ai đã công kích chúng tôi.

Còn một số rất ít :

NỢ VĂN *phóng-sự của* Lãng-Tử Giá 0p.45

TÔI LÀM XIẾC *giải thưởng Việt-Báo 1940* Giá 0p 38

SẮP CÓ BÁN

GIÓ ĐƯA *tiểu-thuyết của* VỊ-HỒ

TRÊN ĐỒI XIM *tiểu-thuyết của* NG. KHẮC-MẪN Giá 0p.50

Mỗi quyển đều có thêm phần phụ rất đứng đắn của nhà xuất-bản hoặc nghiên-cứu, phê-bình hay nghị-luận.

Nhà xuất-bản « TÂN-VIỆT »

Các bạn và các đại-lý muốn giao-thiệp xin cứ biên thư về
49, Rue de Takou — Hanoi

Khi nào chỗ ở mới sắp đặt xong sẽ tuyên bố lên báo

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant: Dương-Tụ-Quán